

BẢNG ĐIỂM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
1	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020001	Lê Ngọc Châu Anh	06/12/2011	0	0	9.25	7.25	9.75	Toán chuyên	6.25	38.75	26.25	24.75	23.25
2	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020002	Lê Phương Anh	24/10/2011	0	0	7.25	6.5	5.25	Toán chuyên	3.5	26	19	17.5	
3	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020003	Ngô Nguyễn Khoa Anh	22/07/2011	0	0	9	8.75	9.5	Toán chuyên	6.25	39.75	27.25	25.75	
4	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020004	Phạm Tín Ân	17/09/2011	0	0	8.25	7.25	8.75	Toán chuyên	5	34.25	24.25	22.75	21.25
5	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020005	Trần Gia Bảo	23/12/2011	0	0	10	7.25	9.75	Toán chuyên	7.25	41.5	27	25.5	24
6	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020006	Nguyễn Thiên Bắc	05/12/2011	0	0	7.5	7.25	5	Toán chuyên	4.25	28.25	19.75	18.25	16.75
7	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020007	Phan Thị Thanh Bình	09/06/2011	0	0	9.75	7.5	8.5	Toán chuyên	7.5	40.75	25.75	24.25	
8	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020008	Nguyễn Ngọc Minh Châu	20/04/2011	0	0	8.25	8	8.75	Toán chuyên	5.5	36	25	23.5	22
9	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020009	Phạm Bảo Châu	05/08/2011	0	0	9	7.75	9.75	Toán chuyên	6	38.5	26.5	25	23.5
10	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020010	Trần Bùi Bảo Châu	19/08/2011	0	0	8.75	7.75	9	Toán chuyên	5	35.5	25.5	24	
11	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020011	Lâm Lệ Chi	13/08/2011	0	0	9.25	8	8	Toán chuyên	4.5	34.25	25.25	23.75	
12	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020012	Nguyễn Thanh Dũng	22/12/2011	0	0	9	7.5	7.75	Toán chuyên	3.75	31.75	24.25	22.75	
13	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020013	Hồ Trần Nam Dương	17/04/2011	0	0	9	7.75	9.75	Toán chuyên	8	42.5	26.5	25	23.5
14	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020014	Nguyễn Ngọc Hải Dương	10/03/2011	0	0	9.25	8.5	9.75	Toán chuyên	7.25	42	27.5	26	24.5
15	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020015	Đỗ Trần Minh Đạo	31/07/2011	0	0	9	8.75	9.25	Toán chuyên	7.25	41.5	27	25.5	24
16	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020016	Nguyễn Thành Đạt	26/07/2011	0	0	9	8	9.5	Toán chuyên	7	40.5	26.5	25	23.5
17	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020017	Nguyễn Dương Đăng	16/10/2011	0	0	6	8.5	9.5	Toán chuyên	6.5	37	24	22.5	21
18	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020018	Đặng Minh Đồng	27/06/2011	0	0	7.75	8.25	8	Toán chuyên	4.75	33.5	24	22.5	
19	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020019	Nguyễn Ngô Hà Giang	23/02/2011	0	0	6	8.25	9.75	Toán chuyên	4.5	33	24	22.5	
20	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020020	Bùi Khánh Hà	01/10/2011	0	0	9	8.5	9.75	Toán chuyên	6.75	40.75	27.25	25.75	
21	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020021	Nguyễn Ngọc Ngân Hà	10/01/2011	0	0	8.25	8	8.5	Toán chuyên	5	34.75	24.75	23.25	
22	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020022	Lê Hoàng Hải	04/01/2011	0	0	8.75	6.75	9.25	Toán chuyên	5.25	35.25	24.75	23.25	21.75

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
23	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020023	Nguyễn Trung Hải	20/01/2011	0	0	8.5	8.25	8.75	Toán chuyên	5.5	36.5	25.5	24	22.5
24	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020024	Trần Gia Hân	21/04/2011	0	0	9	7.25	9.75	Toán chuyên	6	38	26	24.5	23
25	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020025	Võ Gia Hân	04/08/2011	0	0	8.25	7.75	8.5	Toán chuyên	5	34.5	24.5	23	
26	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020026	Hồ Đức Hiện	01/10/2011	0	0	8.75	8.5	8.75	Toán chuyên	8	42	26	24.5	23
27	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020027	Đỗ Nguyễn Trung Hiếu	15/04/2011	0	0	9	8.5	9.25	Toán chuyên	7	40.75	26.75	25.25	23.75
28	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020028	Nguyễn Lê Hiếu	31/10/2011	0	0	8.75	8.25	9.5	Toán chuyên	8	42.5	26.5	25	23.5
29	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020029	Nguyễn Văn Minh Hiếu	19/01/2011	0	0	9	7.25	9.25	Toán chuyên	7.75	41	25.5	24	22.5
30	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020030	Trần Minh Hiếu	18/09/2011	0	0	9.5	7.25	9.25	Toán chuyên	7.25	40.5	26	24.5	
31	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020031	Mai Minh Hoàng	21/07/2011	0	0	9	7	9.75	Toán chuyên	7.5	40.75	25.75	24.25	22.75
32	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020032	Nguyễn Hoàng	12/09/2011	0	0	8.75	7	9.5	Toán chuyên	7	39.25	25.25	23.75	22.25
33	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020033	Trần Nguyễn Minh Hoàng	09/04/2011	0	0	8	7	8.5	Toán chuyên	6	35.5	23.5	22	20.5
34	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020034	Đoàn Nhật Huy	11/08/2011	0	0	8	6.75	10	Toán chuyên	7.25	39.25	24.75	23.25	
35	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020035	Huỳnh Nguyễn Gia Huy	21/08/2011	0	0	8.75	7	8.75	Toán chuyên	8	40.5	24.5	23	21.5
36	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020036	Nguyễn Bảo Huy	27/04/2011	0	0	7.75	8	9.75	Toán chuyên	6.75	39	25.5	24	22.5
37	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020037	Nguyễn Nhật Huy	28/09/2011	0	0	9	8.25	9.75	Toán chuyên	7	41	27	25.5	
38	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020038	Phùng Huy	30/08/2011	0	0	9	8.25	8.75	Toán chuyên	6.25	38.5	26	24.5	23
39	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020039	Trần Lê Quang Huy	09/08/2011	0	0	7.75	8.25	9	Toán chuyên	4.5	34	25	23.5	22
40	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020040	Nguyễn Hoàng Hưng	05/08/2011	0	0	9	8.25	9.5	Toán chuyên	6.25	39.25	26.75	25.25	23.75
41	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020041	Phạm Gia Hưng	20/09/2011	0	0	8.5	8.5	9.75	Toán chuyên	5.75	38.25	26.75	25.25	23.75
42	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020042	Đào Thanh Khải	11/08/2011	0	0	9	8.75	9.5	Toán chuyên	7.75	42.75	27.25	25.75	24.25
43	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020043	Trương Hoàng Duy Khang	26/11/2011	0	0	8.75	8.25	6.5	Toán chuyên	5.25	34	23.5	22	20.5
44	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020044	Võ Nguyễn Duy Khang	11/10/2011	0	0	8.5	7.5	9.5	Toán chuyên	8	41.5	25.5	24	22.5
45	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020045	Đặng Gia Khánh	03/11/2011	0	0	8.75	7.25	7.5	Toán chuyên	6	35.5	23.5	22	20.5
46	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020046	Nguyễn Duy Khánh	20/06/2011	0	0	9	6.5	9.5	Toán chuyên	6	37	25		
47	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020047	Nguyễn Nam Khánh	01/01/2011	0	0	7.75	7	9.75	Toán chuyên	4.75	34	24.5	23	21.5

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
48	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020048	Nguyễn Trần Quốc Khánh	05/09/2011	0	0	8	7.5	9	Toán chuyên	3.75	32	24.5	23	21.5
49	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020049	Trần Mai Mí Khánh	26/05/2011	0	0	8.25	8.25	9.75	Toán chuyên	7	40.25	26.25	24.75	23.25
50	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020050	Trịnh Quốc Khánh	02/09/2011	0	0	9	8.5	9.75	Toán chuyên	7.75	42.75	27.25	25.75	
51	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020051	Bùi Tấn Khoa	20/11/2011	0	0	7.75	7.25	8.25	Toán chuyên	5	33.25	23.25	21.75	20.25
52	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020052	Đỗ Đăng Khoa	03/06/2011	0	0	8	7.25	7.75	Toán chuyên	8.5	40	23	21.5	
53	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020053	Ngô Lê Khoa	01/07/2011	0	0	9	7	8.75	Toán chuyên	7.5	39.75	24.75	23.25	21.75
54	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020054	Nguyễn Lê Đăng Khoa	21/09/2011	0	0	9	7.25	9.25	Toán chuyên	8	41.5	25.5	24	22.5
55	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020055	Võ Ngọc Khoa	29/10/2011	0	0	6.75	6	9	Toán chuyên	2	25.75	21.75	20.25	
56	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020056	Hà Thiện Khôi	04/06/2011	0	0	8.75	6.5	8	Toán chuyên	5.25	33.75	23.25	21.75	20.25
57	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020057	Lương Võ Đăng Khôi	07/04/2011	0	0	9	7.75	9	Toán chuyên	7.25	40.25	25.75	24.25	
58	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020058	Nguyễn Đăng Khôi	16/03/2011	0	0	9.5	7	8.25	Toán chuyên	7.25	39.25	24.75		
59	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020059	Nguyễn Đăng Khôi	30/04/2011	0	0	8.5	6.25	9.25	Toán chuyên	5.75	35.5	24	22.5	
60	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020060	Thái Nguyễn Anh Khôi	08/09/2011	0	0	7.75	6.25	10	Toán chuyên	4.25	32.5	24	22.5	21
61	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020061	Hồ Trần Trung Kiên	15/11/2011	0	0	8	6.5	9.75	Toán chuyên	7	38.25	24.25	22.75	21.25
62	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020062	Phan Kông	24/07/2011	0	0	8.5	7	9	Toán chuyên	6.75	38	24.5	23	21.5
63	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020063	Nguyễn Ngọc Thảo Linh	27/01/2011	0	0	7	7.25	9	Toán chuyên	2.5	28.25	23.25	21.75	20.25
64	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020064	Nguyễn Thanh Linh	08/01/2011	0	0	7.5	8.25	9.25	Toán chuyên	4.5	34	25	23.5	22
65	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020065	Nguyễn Tấn Lộc	10/07/2011	0	0	9	5.75	9	Toán chuyên	5.5	34.75	23.75	22.25	20.75
66	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020066	Đặng Gia Lợi	09/05/2011	0	0	8	8	9.5	Toán chuyên	5.25	36	25.5	24	22.5
67	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020067	Nguyễn Quỳnh Lợi	24/07/2011	0	0	7.75	8	8.75	Toán chuyên	3.75	32	24.5	23	
68	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020068	Ngô Xuân Mai	18/05/2011	0	0	8.5	8.5	9.25	Toán chuyên	6.25	38.75	26.25	24.75	
69	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020069	Lê Hải Minh	09/03/2011	0	0	9	7.5	9.25	Toán chuyên	6	37.75	25.75	24.25	
70	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020070	Tô Cường Nhật Minh	28/10/2011	0	0	10	8	10	Toán chuyên	8.75	45.5	28	26.5	25
71	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020071	Trần Quang Minh	04/03/2011	0	0	10	8.25	9.5	Toán chuyên	7.75	43.25	27.75	26.25	
72	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020072	Trần Hoàng Mỹ Mỹ	15/06/2011	0	0	8.75	6.75	7.75	Toán chuyên	5.5	34.25	23.25	21.75	20.25

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
73	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020073	Nguyễn Hà Nam	20/12/2011	0	0	8.25	8	7.75	Toán chuyên	4.25	32.5	24		
74	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020074	Nguyễn Kỳ Nam	24/12/2011	0	0	8	7.5	9	Toán chuyên	7.25	39	24.5	23	
75	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020075	Triệu Thái Kỳ Nam	13/02/2011	0	0	9	8.5	9.75	Toán chuyên	8.5	44.25	27.25	25.75	24.25
76	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020076	Nguyễn Lê Thanh Ngân	19/01/2011	0	0	7.5	7.5	8.25	Toán chuyên	3.5	30.25	23.25	21.75	20.25
77	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020077	Phan Ngọc Khánh Ngân	17/09/2011	0	0	8	7.75	9.75	Toán chuyên	5	35.5	25.5	24	22.5
78	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020078	Văn Khánh Ngân	18/05/2011	0	0	9.25	8.5	9.5	Toán chuyên	6.5	40.25	27.25	25.75	24.25
79	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020079	Đặng Nguyễn Như Ngọc	20/03/2011	0	0	9	7.5	9	Toán chuyên	6.5	38.5	25.5	24	22.5
80	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020080	Trần Bảo Ngọc	15/12/2011	0	0	5	6.5	5.5	Toán chuyên	0.75	18.5			
81	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020081	Đỗ Thành Nguyên	22/02/2011	0	0	9.25	6.75	9.25	Toán chuyên	7.25	39.75	25.25	23.75	22.25
82	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020082	Nguyễn Trần Khôi Nguyên	07/08/2011	0	0	9	7	9.75	Toán chuyên	6.75	39.25	25.75	24.25	22.75
83	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020083	Trần Khôi Nguyên	10/11/2011	0	0	8.5	6.75	9.5	Toán chuyên	7.5	39.75	24.75	23.25	21.75
84	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020084	Trần Nguyễn Khôi Nguyên	02/06/2011	0	0	7	7	6.75	Toán chuyên	3	26.75			
85	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020085	Nguyễn Thanh Trọng Nhân	02/04/2011	0	0	9.75	8.5	8.75	Toán chuyên	7.75	42.5	27	25.5	24
86	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020086	Mai Mỹ Nhi	30/11/2011	0	0	9	8.5	9	Toán chuyên	4	34.5	26.5	25	23.5
87	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020087	Nguyễn Trần Yến Nhi	03/02/2011	0	0	8.25	8.75	9.5	Toán chuyên	4.5	35.5	26.5	25	
88	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020088	Trần Ngọc Linh Nhi	05/01/2011	0	0	8.5	8.25	9.25	Toán chuyên	6.5	39	26	24.5	23
89	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020089	Văn Thảo Nhi	05/01/2011	0	0	9.25	6.5	10	Toán chuyên	6.5	38.75	25.75	24.25	22.75
90	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020090	Đỗ Trần Bảo Như	28/09/2011	0	0	7.5	6.25	8.25	Toán chuyên	3	28	22	20.5	19
91	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020091	Nguyễn Tấn Phát	05/10/2011	0	0	8.25	8	9	Toán chuyên	7.5	40.25	25.25	23.75	22.25
92	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020092	Mai Quý Phi	28/10/2011	0	0	8.25	7	6.75	Toán chuyên	4.5	31	22		
93	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020093	Kiều Nguyễn Gia Phú	26/09/2011	0	0	8	6.5	6	Toán chuyên	3.75	28	20.5	19	17.5
94	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020094	Nguyễn Bảo Phúc	18/10/2011	0	0	9	6.75	9	Toán chuyên	6.5	37.75	24.75	23.25	21.75
95	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020095	Phan Trường Phúc	04/04/2011	0	0	9	6.75	10	Toán chuyên	5.25	36.25	25.75	24.25	22.75
96	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020096	Trần Nguyên Phúc	17/06/2011	0	0	8.5	7.75	9.5	Toán chuyên	5	35.75	25.75	24.25	22.75
97	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020097	Nguyễn Hồng Lam Phương	12/02/2011	0	0	9	8.5	9	Toán chuyên	6.5	39.5	26.5	25	23.5

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
98	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020098	Nguyễn Hà Quỳnh	30/07/2011	0	0	10	8.25	9.75	Toán chuyên	7.75	43.5	28	26.5	25
99	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020099	Phan Trọng Quyền	12/05/2011	0	0	9	7	9.5	Toán chuyên	6.75	39	25.5	24	22.5
100	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020100	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	25/07/2010	0	0	5.75	7.75	8	Toán chuyên	3.25	28	21.5	20	18.5
101	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020101	Đỗ Thanh Sơn	02/04/2011	0	0	8.5	6.75	6	Toán chuyên	6.5	34.25	21.25	19.75	18.25
102	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020102	Trần Nam Sơn	01/09/2011	0	0	8.5	6.75	8.75	Toán chuyên	8.75	41.5	24	22.5	
103	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020103	Đỗ Nhật Tài	25/06/2011	0	0	9	7.25	9	Toán chuyên	5.25	35.75	25.25	23.75	22.25
104	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020104	Nguyễn Thị Thu Tâm	07/10/2011	0	0	7.75	7.25	9.5	Toán chuyên	6	36.5	24.5		
105	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020105	Trần Nguyễn Bảo Thạch	26/02/2011	0	0	8.25	7.25	9.75	Toán chuyên	8	41.25	25.25	23.75	
106	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020106	Mai Hồng Thanh	29/03/2011	0	0	9	8	9.75	Toán chuyên	8.25	43.25	26.75	25.25	23.75
107	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020107	Trình Vĩnh Thanh	30/10/2011	0	0	9	6.5	9.75	Toán chuyên	8	41.25	25.25	23.75	22.25
108	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020108	Bùi Khắc Thành	25/10/2011	0	0	8.5	7.25	9	Toán chuyên	4.25	33.25	24.75	23.25	21.75
109	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020109	Lê Nguyễn Phương Thảo	27/04/2011	0	0	7.75	7.5	9.25	Toán chuyên	5.25	35	24.5	23	21.5
110	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020110	Nguyễn Đức Trường Thiên	10/05/2011	0	0	8	7.5	9	Toán chuyên	5.75	36	24.5		
111	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020111	Nguyễn Bá Thịnh	18/11/2011	0	0	8.25	7	9.25	Toán chuyên	6.25	37	24.5	23	21.5
112	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020112	Võ Trường Thịnh	11/05/2011	0	0	9.25	9	9	Toán chuyên	7.5	42.25	27.25		
113	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020113	Phạm Minh Thông	03/10/2011	0	0	8.75	8.75	9.75	Toán chuyên	8	43.25	27.25		
114	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020114	Nguyễn Phương Thuỳ	13/07/2011	0	0	8.75	9	9.5	Toán chuyên	7.25	41.75	27.25	25.75	24.25
115	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020115	Nguyễn Hoàng Bảo Thy	29/03/2011	0	0	9	8.25	9.5	Toán chuyên	6.5	39.75	26.75	25.25	
116	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020116	Hà Nhật Tiến	29/04/2011	0	0	8.25	6	9.5	Toán chuyên	6.25	36.25	23.75	22.25	20.75
117	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020117	Nguyễn Lê Anh Tiến	23/09/2011	0	0	10	8.25	9.75	Toán chuyên	8.25	44.5	28	26.5	
118	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020118	Phan Khánh Toàn	01/04/2011	0	0	9	7.5	8.75	Toán chuyên	7.25	39.75	25.25	23.75	22.25
119	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020119	Trương Thiết Tôn	29/05/2011	0	0	9	7	9.5	Toán chuyên	6.25	38	25.5	24	22.5
120	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020120	Phan Ngọc Bảo Trân	03/07/2011	0	0	9.25	7.25	9.75	Toán chuyên	8	42.25	26.25	24.75	23.25
121	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020121	Trương Trần Thủy Trân	05/04/2011	0	0	8.25	8.75	9.75	Toán chuyên	7.75	42.25	26.75	25.25	
122	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020122	Đinh Công Hữu Trí	15/08/2011	0	0	9	8.25	9.25	Toán chuyên	8.75	44	26.5	25	23.5

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
123	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020123	Nguyễn Minh Triết	28/10/2011	0	0	9.25	7.5	9.25	Toán chuyên	6.5	39	26	24.5	
124	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020124	Phan Giang Triều	20/04/2011	0	0	7.5	7.75	8.25	Toán chuyên	5.25	34	23.5	22	20.5
125	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020125	Phạm Hồ Thanh Trúc	16/10/2011	0	0	7.5	5.75	8.75	Toán chuyên	3.25	28.5	22	20.5	
126	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020126	Nguyễn Trần Minh Tú	22/11/2011	0	0	8.5	6.75	9.25	Toán chuyên	7.75	40	24.5	23	21.5
127	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020127	Trần Anh Tú	07/04/2011	0	0	8	7.25	9.5	Toán chuyên	4.25	33.25	24.75	23.25	
128	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020128	Hồ Minh Tường	15/02/2011	0	0	8.75	6.75	8.5	Toán chuyên	7	38	24		
129	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020129	Phạm Nhữ Gia Uyên	16/09/2011	0	0	8.25	8.5	9	Toán chuyên	3	31.75	25.75	24.25	22.75
130	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020130	Lâm Chí Vĩ	23/08/2011	0	0	7.75	5.75	8.75	Toán chuyên	8	38.25	22.25	20.75	
131	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020131	Hồ Trịnh Quốc Việt	25/08/2011	0	0	8.75	7.25	9.25	Toán chuyên	6	37.25	25.25	23.75	22.25
132	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020132	Võ Thành Vinh	23/11/2011	0	0	9.25	7.25	9.25	Toán chuyên	7.25	40.25	25.75	24.25	
133	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020133	Nguyễn Lâm Như Ý	10/05/2011	0	0	8.5	7.5	9.5	Toán chuyên	3	31.5	25.5	24	22.5
134	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020134	Nguyễn Phạm Hoài Anh	18/12/2011	0	0	8.25	8.25	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	7.75	41.25	25.75	24.25	22.75
135	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020135	Nguyễn Thái Quỳnh Anh	04/07/2011	0	0	7.25	7.25	8	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	6.25	35	22.5	21	19.5
136	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020136	Nguyễn Trần Châu Anh	16/06/2011	0	0	6.75	7.25	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	5	33.75	23.75	22.25	20.75
137	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020137	Võ Nguyễn Gia Bảo	01/11/2011	0	0	8	7.75	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	7.75	41	25.5	24	22.5
138	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020138	Diệp Quý Châu	02/05/2011	0	0	7.5	7.5	8	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	8.25	39.5	23	21.5	20
139	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020139	Huỳnh Nguyễn Gia Châu	01/05/2011	0	0	7.25	7	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	5	32.75	22.75	21.25	
140	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020140	Phạm Nguyễn Ngọc Châu	16/09/2011	0	0	6.25	5.75	7.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	5	29.75	19.75	18.25	16.75
141	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020141	Nguyễn Lê Phương Chi	09/05/2011	0	0	7.75	6.5	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	6	35	23	21.5	20
142	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020142	Nguyễn Đỗ Tiến Cường	29/09/2011	0	0	7.75	6.5	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	8	39.5	23.5	22	20.5
143	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020143	Đại Quang Dũng	24/07/2011	0	0	8.5	7	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	5.75	35.5	24	22.5	21
144	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020144	Nguyễn Lân Dũng	06/06/2011	0	0	8.75	6.75	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	7.5	40	25	23.5	22
145	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020145	Phạm Duy	19/08/2011	0	0	7.75	5.25	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	6.75	34.75	21.25	19.75	18.25
146	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020146	Nguyễn Ngọc Duyên	03/02/2011	0	0	8.5	8.75	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	8.75	44	26.5	25	23.5
147	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020147	Nguyễn Tấn Đạt	04/08/2011	0	0	8	6.75	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lý)	8.5	40.25	23.25	21.75	20.25

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiền	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
148	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020148	Phạm Tiến Đạt	23/11/2011	0	0	7.75	7	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5.5	35.25	24.25	22.75	21.25
149	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020149	Lữ Hà An Hải	04/11/2011	0	0	8.75	7.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5.5	36.75	25.75	24.25	22.75
150	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020150	Nguyễn Minh Hiếu	28/07/2011	0	0	7.25	6.25	7.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	8.75	38.75	21.25	19.75	18.25
151	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020151	Lê Công Huy	16/08/2011	0	0	7	6.25	7.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7	35	21	19.5	18
152	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020152	Mai Vũ Nhật Huy	26/05/2011	0	0	7	7.25	9	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5.5	34.25	23.25	21.75	20.25
153	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020153	Nguyễn Hữu Huy	15/02/2011	0	0	8.5	5.5	4.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	6.25	30.75	18.25	16.75	
154	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020154	Nguyễn Phạm Thanh Huy	05/06/2011	0	0	6.5	6.75	7.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7.75	36	20.5	19	17.5
155	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020155	Trần Nguyễn Quang Huy	08/07/2011	0	0	8.5	7.25	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	6.5	37.5	24.5	23	21.5
156	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020156	Lê Công Hưng	12/10/2011	0	0	8.75	7	9	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	9.5	43.75	24.75	23.25	21.75
157	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020157	Võ Đông Hưng	19/02/2011	0	0	4	6.5	5.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	1.5	18.75	15.75	14.25	12.75
158	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020158	Nguyễn Minh Khang	20/05/2011	0	0	7.5	6	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5	33	23	21.5	20
159	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020159	Bùi Duy Khánh	04/12/2011	0	0	8.5	7.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7	39.5	25.5	24	
160	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020160	Nguyễn Ngọc Kim Khánh	24/12/2011	0	0	9.5	8.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7	41.5	27.5	26	
161	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020161	Trần Minh Khánh	22/03/2011	0	0	9.25	8.25	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	9	45.25	27.25	25.75	
162	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020162	Trần Nguyễn Bảo Khánh	06/03/2011	0	0	7	6.5	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	6.75	35.5	22	20.5	19
163	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020163	Phan Thanh Khoa	13/05/2011	0	0	8.5	7.25	9	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5	34.75	24.75	23.25	21.75
164	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020164	Trần Hà Khôi	04/05/2011	0	0	7.25	7.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	6.25	36.75	24.25	22.75	21.25
165	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020165	Trần Tùng Lâm	09/01/2011	0	0	9	6.25	6.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	6.25	34.5	22	20.5	19
166	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020166	Đình Du Lịch	13/04/2011	0	0	9	4.25	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5.25	32.5	22	20.5	
167	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020167	Trần Hà Linh	16/06/2011	0	0	9	7.5	9	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	8.5	42.5	25.5	24	
168	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020168	Trịnh Nhật Linh	01/03/2011	0	0	8.5	7	10	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7.25	40	25.5	24	22.5
169	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020169	Lê Công Hoàng Lợi	17/04/2011	0	0	10	5	9	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7.5	39	24	22.5	21
170	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020170	Trần Trọng Lưu	13/01/2011	0	0	7.5	4.5	7.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5	29.25			
171	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020171	Cai Đăng Minh	26/04/2011	0	0	8.75	7	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	6.25	38	25.5	24	22.5
172	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020172	Đình Nguyễn Quang Minh	19/03/2011	0	0	8.5	6	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5	33.75	23.75	22.25	20.75

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
173	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020173	Lê Huy Minh	08/03/2011	0	0	7.25	7.25	8	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	6	34.5	22.5	21	19.5
174	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020174	Lê Khánh Nam	22/01/2011	0	0	8	7.25	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	9	42.75	24.75	23.25	21.75
175	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020175	Nguyễn Hoàng Nam	11/09/2011	0	0	7.5	7.75	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7.5	38.5	23.5	22	
176	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020176	Lê Hoàng Bảo Ngân	28/01/2011	0	0	9	7.5	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	8.75	43.25	25.75	24.25	22.75
177	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020177	Nguyễn Mai Bảo Ngân	13/05/2011	0	0	7.75	8	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7	38	24	22.5	
178	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020178	Thái Lý Nghĩa	10/03/2011	0	0	8.25	6	6.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5	30.75	20.75	19.25	17.75
179	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020179	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	29/10/2011	0	0	8.75	7	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7.25	39.5	25	23.5	22
180	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020180	Hà Vinh Nguyên	15/05/2011	0	0	9	7.25	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	6.75	39.25	25.75	24.25	22.75
181	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020181	Phạm Khôi Nguyên	25/07/2010	0	0	6.75	6.5	7	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5.25	30.75	20.25	18.75	17.25
182	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020182	Trần Nguyễn Hòa Nguyên	23/06/2011	0	0	8.5	6.5	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	4.25	31.75	23.25	21.75	20.25
183	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020183	Võ Trọng Nguyên	27/03/2011	0	0	7.75	6.75	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5.25	34.25	23.75	22.25	20.75
184	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020184	Ngô Minh Nhật	29/07/2011	0	0	7.75	6.25	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7.75	37.75	22.25	20.75	19.25
185	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020185	Nguyễn Long Nhật	21/07/2011	0	0	8.5	7.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	9	43.5	25.5	24	
186	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020186	Từ Ái Như	15/02/2011	0	0	8.25	6.25	7.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	6.5	34.75	21.75	20.25	18.75
187	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020187	Đỗ Tấn Phát	22/08/2011	0	0	8.5	8.25	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	10	46.5	26.5	25	23.5
188	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020188	Nguyễn Duy Phát	13/06/2011	0	0	5.75	6.75	9	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	4.25	30	21.5		
189	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020189	Bùi Gia Phú	04/05/2011	0	0	8.75	6.75	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	8.25	40.5	24		
190	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020190	Đàm Nguyên Hoàng Phúc	03/04/2011	0	0	7.25	6.5	6.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	1.5	23.25	20.25	18.75	
191	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020191	Nguyễn Gia Phước	24/07/2011	0	0	8	7.5	7.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7.75	38.75	23.25	21.75	20.25
192	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020192	Huỳnh Lê Diệu Quyên	22/01/2011	0	0	7	6.75	7.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5	31.25	21.25	19.75	18.25
193	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020193	Nguyễn Hồng Quyên	23/06/2011	0	0	8	6	6.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	4.5	29.5	20.5	19	17.5
194	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020194	Đào Nguyễn Trúc Quỳnh	10/02/2011	0	0	9	7.5	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	8.5	43.25	26.25	24.75	23.25
195	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020195	Lê Minh Thành	23/11/2011	0	0	7	7	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	8.25	39.25	22.75	21.25	19.75
196	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020196	Phạm Thị Phương Thảo	04/05/2011	0	0	8.75	7	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	8	41	25	23.5	22
197	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020197	Nguyễn Tùng Thắng	28/10/2011	0	0	8.25	6.25	9	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	9	41.5	23.5	22	20.5

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
198	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020198	Nguyễn Chí Thiện	20/08/2011	0	0	8.25	6	8	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7.5	37.25	22.25	20.75	
199	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020199	Lê Trần Thịnh	27/08/2011	0	0	7.5	6	9	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	7.5	37.5	22.5	21	19.5
200	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020200	Ngô Phúc Thịnh	28/01/2011	0	0	8.25	8	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	6.25	38	25.5	24	
201	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020201	Lê Huy Thuận	21/06/2011	0	0	6.75	7	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	4.5	31.5	22.5	21	19.5
202	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020202	Nguyễn Phùng Thanh Thúy	02/02/2011	0	0	8	8	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	8.5	42.25	25.25	23.75	22.25
203	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020203	Mai Yến Thư	23/11/2011	0	0	8.75	7.5	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	9	42.75	24.75	23.25	
204	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020204	Nguyễn Hoài Thương	04/08/2011	0	0	7.5	6.75	7	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5.25	31.75	21.25	19.75	18.25
205	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020205	Nguyễn Thị Thủy Tiên	25/08/2011	0	0	7.25	7.25	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5.75	34.75	23.25	21.75	
206	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020206	Từ Lê Thủy Trà	12/12/2011	0	0	8.75	5.75	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5	34.25	24.25	22.75	21.25
207	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020207	Trần Thị Bảo Trân	14/02/2011	0	0	9	8.25	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	5.5	38	27	25.5	
208	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020208	Trần Viết Minh Trí	04/07/2011	0	0	7.5	6.75	9	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	8.5	40.25	23.25	21.75	20.25
209	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020209	Nguyễn Quốc Tường	22/07/2011	0	0	7.75	7.75	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	9.5	44	25	23.5	
210	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020210	Hà Kiến Văn	05/06/2011	0	0	5.75	6.5	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	3	27	21	19.5	
211	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020211	Nguyễn Thảo Vi	14/04/2011	0	0	7.75	6.25	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	8.25	39.75	23.25	21.75	20.25
212	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020212	Nguyễn Ngọc Việt	24/10/2011	0	0	8.75	7	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	9.5	44.25	25.25	23.75	22.25
213	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020213	Trần Chế Vương	01/01/2011	0	0	8.5	7.75	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Vật lí)	9.5	44.5	25.5	24	22.5
214	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020214	Mai Thiên An	08/03/2011	0	0	9	7.5	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	9.25	44	25.5	24	22.5
215	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020215	Nguyễn Cao Trường An	19/03/2011	0	0	6.25	7.25	5.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.25	35.75	19.25	17.75	16.25
216	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020216	Võ Hoài An	24/07/2011	0	0	7.75	8.25	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	9	43.25	25.25	23.75	22.25
217	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020217	Võ Phúc An	30/01/2011	0	0	7	7.5	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	5	34.25	24.25	22.75	
218	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020218	Trần Thiên Anh	19/12/2011	0	0	7.5	8	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.25	41	24.5	23	21.5
219	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020219	Trịnh Hồng Anh	26/12/2011	0	0	7.75	7.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.25	41.25	24.75	23.25	
220	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020220	Hà Duy Bách	04/09/2011	0	0	8.75	6.75	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.25	39.5	25	23.5	22
221	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020221	Nguyễn Hoàng Bách	03/11/2011	0	0	6.25	7.25	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.75	38	22.5	21	
222	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020222	Nguyễn Hoàng Bách	01/05/2011	0	0	9	7.25	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.5	39.75	24.75	23.25	21.75

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
223	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020223	Nguyễn Hoàng Bảo	21/04/2011	0	0	9	7.5	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8	42.25	26.25	24.75	
224	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020224	Nguyễn Bách Diệp	01/07/2011	0	0	7.5	6	7.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.75	38.5	21	19.5	18
225	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020225	Dương Hoàng Khiết Đan	06/04/2011	0	0	7.5	6.75	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	6.5	36	23	21.5	20
226	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020226	Bùi Gia Đạt	21/02/2011	0	0	8.5	7.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.75	43	25.5	24	22.5
227	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020227	Nguyễn Lê Quang Hà	14/10/2011	0	0	7	6	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	5.5	32.5	21.5	20	18.5
228	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020228	Phạm Hoàng Hải	14/05/2011	0	0	9	6.5	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.5	41.75	24.75	23.25	21.75
229	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020229	Phạm Anh Hào	23/09/2011	0	0	8.25	6.5	10	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	5.75	36.25	24.75	23.25	
230	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020230	Dương Gia Hân	09/11/2011	0	0	7.5	7.75	7	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	5.5	33.25	22.25	20.75	
231	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020231	Nguyễn Trần Gia Hân	06/06/2011	0	0	8	7	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	6.5	37.5	24.5	23	21.5
232	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020232	Nguyễn Lưu Hoàng	15/10/2011	0	0	7.5	6.75	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	3.75	30.25	22.75	21.25	19.75
233	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020233	Bùi Nguyễn Gia Huy	13/03/2011	0	0	9	6.75	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.75	42.25	24.75	23.25	21.75
234	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020234	Đoàn Ngọc Gia Huy	21/11/2011	0	0	8	7	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	10	44.5	24.5	23	21.5
235	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020235	Đỗ Quốc Huy	03/01/2011	0	0	7.5	7.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	4.5	33.5	24.5	23	21.5
236	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020236	Nguyễn Ngô Gia Huy	08/08/2011	0	0	7	6.25	6.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	3	25.75	19.75	18.25	16.75
237	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020237	Lê Công Hưng	20/01/2011	0	0	7	7	7	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	6.5	34	21	19.5	18
238	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020238	Nguyễn Khánh Hưng	09/07/2011	0	0	9	7.5	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	9.25	43.25	24.75	23.25	21.75
239	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020239	Nguyễn Công Kha	26/04/2011	0	0	8	7	7.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.25	38.75	22.25	20.75	
240	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020240	Thân Trọng Kha	17/03/2011	0	0	7.5	7.25	8	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	2.75	28.25	22.75		
241	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020241	Đoàn Ngọc Nam Khánh	13/06/2011	0	0	7.25	7	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	5.25	33.75	23.25	21.75	20.25
242	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020242	Đỗ An Khánh	03/07/2011	0	0	8	8	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.25	42.25	25.75	24.25	
243	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020243	Phan Nguyễn Kim Khánh	17/04/2011	0	0	9.25	8.5	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.25	44	27.5	26	24.5
244	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020244	Trần Như Gia Khánh	10/05/2011	0	0	9	6.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	9.25	43.5	25	23.5	22
245	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020245	Lê Minh Kỳ	19/01/2011	0	0	6.5	5.75	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.25	35.5	21	19.5	18
246	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020246	Trần Minh Long	15/01/2011	0	0	8.5	7	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.25	41.5	25	23.5	22
247	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020247	Võ Bảo Long	01/02/2011	0	0	6.75	6.5	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	5	32.5	22.5	21	

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
248	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020248	Trương Triệu Mẫn	20/05/2011	0	0	7.75	7	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	9	41	23		
249	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020249	Phạm Vũ Minh Minh	01/02/2011	0	0	7.75	7.25	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	6.5	37.25	24.25	22.75	21.25
250	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020250	Nguyễn Hoàng Hà My	11/02/2011	0	0	8	6.75	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8	39	23	21.5	
251	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020251	Nguyễn Trần Thảo My	16/11/2011	0	0	9	7.75	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.25	42.75	26.25	24.75	23.25
252	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020252	Nguyễn Ngọc Ny Na	30/07/2011	0	0	7	7	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.25	37.5	23	21.5	20
253	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020253	Bùi Bảo Nam	14/08/2011	0	0	8.5	7.25	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	5.75	36.25	24.75	23.25	21.75
254	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020254	Lê Thành Nam	10/06/2011	0	0	7.75	7.75	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.25	41.25			
255	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020255	Trần Đoàn Phương Nghĩa	17/03/2011	0	0	7.5	7.75	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	6.25	37	24.5	23	
256	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020256	Nguyễn Bảo Ngọc	21/07/2011	0	0	6.25	7.25	8	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	2.5	26.5	21.5	20	18.5
257	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020257	Nguyễn Đức Nguyên	28/01/2011	0	0	8.75	7	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	9	43.5	25.5		
258	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020258	Nguyễn Lê Bảo Nguyên	22/02/2011	0	0	5	6	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.75	35	19.5	18	
259	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020259	Bùi Anh Nhật	10/06/2011	0	0	7	5	4	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	3.5	23	16	14.5	13
260	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020260	Phạm Trần An Nhiên	27/06/2011	0	0	8.5	6.5	8	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.75	40.5	23	21.5	20
261	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020261	Lê Nguyễn Quỳnh Như	08/07/2011	0	0	8.5	6.5	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	2.25	28.5	24	22.5	21
262	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020262	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	23/12/2011	0	0	8.75	7.5	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.75	40.75	25.25	23.75	22.25
263	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020263	Trần Quỳnh Như	30/08/2011	0	0	9	7.75	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8	42.25	26.25	24.75	23.25
264	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020264	Bạch Đình Gia Phú	27/07/2011	0	0	8.25	6.25	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.5	40.5	23.5	22	20.5
265	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020265	Nguyễn Thanh Phú	02/08/2011	0	0	8.5	6.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	9.5	43.5	24.5	23	21.5
266	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020266	Trần Minh Phúc	21/05/2011	0	0	8.5	6	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.75	38.75	23.25	21.75	20.25
267	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020267	Huỳnh Nhã Phương	01/02/2011	0	0	7.5	7.25	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7	38.25	24.25	22.75	
268	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020268	Tạ Bửu Uyên Phương	19/10/2011	0	0	7.75	7.75	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	5.75	36	24.5	23	
269	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020269	Nguyễn Minh Quân	12/01/2011	0	0	9	7.5	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.5	43.25	26.25	24.75	23.25
270	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020270	Trần Thị Ân Quý	11/08/2011	0	0	3.25	6.25	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	1.5	21.25	18.25	16.75	15.25
271	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020271	Trương Hoàng Kiến Quốc	03/06/2011	0	0	8	8	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.25	38.75	24.25	22.75	21.25
272	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020272	Nguyễn Ngọc Bảo Quyên	08/08/2011	0	0	7.25	7	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.25	38	23.5	22	20.5

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
273	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020273	Thân Tường Quyên	06/05/2011	0	0	7.5	7	9	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	5	33.5	23.5	22	20.5
274	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020274	Nguyễn Dương Hương Quỳnh	07/09/2011	0	0	6.25	5.75	4.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	5	26.5			
275	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020275	Lê Trọng Quyết Thắng	23/09/2011	0	0	9	7	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.75	43.25	25.75	24.25	22.75
276	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020276	Đinh Thế Thịnh	27/07/2011	0	0	8.5	6.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.75	40	24.5	23	21.5
277	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020277	Nguyễn Xuân Thịnh	23/06/2011	0	0	8	7	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	7.75	38.75	23.25	21.75	20.25
278	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020278	Trần Thị Anh Thư	15/05/2011	0	0	7.5	7	8	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	6.75	36	22.5	21	19.5
279	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020279	Lê Trương Kha Thy	26/06/2011	0	0	8.5	6.75	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.5	41.5	24.5	23	21.5
280	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020280	Trần Khánh Thy	06/12/2011	0	0	8.5	7	7.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	5.75	34.75	23.25	21.75	20.25
281	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020281	Lâm Minh Trí	02/03/2011	0	0	9	7.25	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	6.75	39.25	25.75	24.25	22.75
282	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020282	Nguyễn Minh Trí	02/11/2011	0	0	7.25	7	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	3.5	30	23	21.5	20
283	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020283	Phạm Từ Minh Triết	28/10/2011	0	0	9	6.75	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.25	41.75	25.25	23.75	22.25
284	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020284	Phạm Lê Quang Trường	08/08/2011	0	0	7.75	7.5	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	9	43	25	23.5	22
285	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020285	Nguyễn Lê Hoàng Uyên	27/08/2011	0	0	6	7.5	5.75	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	6	31.25	19.25	17.75	16.25
286	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020286	Trần Nam Việt	30/04/2011	0	0	8	7.75	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	8.75	42.75	25.25	23.75	22.25
287	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020287	Đặng Thị Thanh Vy	27/03/2011	0	0	6.5	7.75	6	Khoa học Tự nhiên (phần Hóa học)	1.75	23.75	20.25	18.75	
288	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020288	Cao Nguyễn Hoài An	07/03/2011	0	0	8.25	6.5	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.25	35.5	23	21.5	20
289	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020289	Trần Hồ Khánh An	16/05/2011	0	0	4.25	6.75	7.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.75	25.75	18.25	16.75	15.25
290	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020290	Lê Hải Anh	05/08/2011	0	0	8.25	6.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.5	35.25	24.25	22.75	
291	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020291	Nguyễn Triển Bằng	14/02/2011	0	0	9	7.25	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	8	41.5	25.5	24	22.5
292	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020292	Nguyễn Lê Duy	18/06/2011	0	0	5.25	6	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	2.5	25	20	18.5	
293	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020293	Đặng Nguyễn Linh Đan	01/11/2011	0	0	6.5	6.25	8	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	2	24.75	20.75	19.25	17.75
294	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020294	Nguyễn Hương Giang	26/04/2011	0	0	7	6.75	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	1.75	26	22.5	21	19.5
295	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020295	Trần Võ Trà Giang	07/05/2011	0	0	9	7.25	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	7.75	40	24.5	23	21.5
296	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020296	Trương Hà Giang	13/06/2011	0	0	6	7	7.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5	30.5	20.5	19	17.5
297	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020297	Nguyễn Võ Trọng Giáp	04/07/2011	0	0	7.25	6.5	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5	32.5	22.5	21	19.5

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
298	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020298	Đào Nhã Hân	23/09/2011	0	0	7.75	6	7.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.25	32	21.5	20	18.5
299	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020299	Hồ Ngọc Bảo Hân	25/07/2011	0	0	7.75	6.25	9	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	2.75	28.5	23	21.5	20
300	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020300	Nguyễn Lê Hân	05/12/2011	0	0	8.25	7.25	8	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5	33.5	23.5	22	
301	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020301	Nguyễn Phạm Bảo Hân	12/07/2011	0	0	8	7.25	9	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5	34.25	24.25	22.75	21.25
302	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020302	Phạm Hà Gia Hân	14/06/2011	0	0	8.5	7	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6	37.25	25.25	23.75	22.25
303	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020303	Văn Diệp Hân	12/09/2011	0	0	8	7	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.25	36.25	23.75	22.25	20.75
304	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020304	Võ Bảo Hiếu	02/05/2011	0	0	8.5	6.75	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	9	41.75	23.75	22.25	20.75
305	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020305	Lê Đặng Phương Hoài	03/03/2011	0	0	7	7	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5	33.25	23.25	21.75	20.25
306	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020306	Huỳnh Thị Kim Huệ	11/06/2011	0	0	7.5	6.75	7.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	4.5	31	22	20.5	
307	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020307	Huỳnh Nhật Huy	06/03/2011	0	0	7	7	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	7.25	38	23.5	22	20.5
308	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020308	Nguyễn Đình Huy	23/02/2011	0	0	7.25	7	7.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.75	29.5	22	20.5	19
309	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020309	Phạm Nguyễn Khánh Huy	28/06/2011	0	0				Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)					
310	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020310	Nguyễn Minh Huyền	28/02/2011	0	0	8	7	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.5	36.75	23.75	22.25	20.75
311	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020311	Nguyễn Gia Khang	28/05/2011	0	0	8.5	7.25	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5	35	25	23.5	22
312	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020312	Mai Lan Khánh	22/10/2011	0	0	7.25	6.75	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5	33.75	23.75	22.25	20.75
313	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020313	Võ Nam Khánh	21/12/2011	0	0	7	7.25	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	2.5	28.75	23.75	22.25	20.75
314	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020314	Nguyễn Gia Khiêm	17/07/2011	0	0	6.75	7	7.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	2.75	27	21.5	20	18.5
315	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020315	Phạm Gia Khiêm	05/12/2011	0	0	6.75	6.25	9	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.75	35.5	22	20.5	19
316	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020316	Nguyễn Đăng Khoa	27/11/2011	0	0	8	6.5	6.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6	33	21	19.5	18
317	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020317	Phạm Cao Khoa	14/02/2011	0	0	8.25	6.5	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.5	30.5	23.5	22	20.5
318	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020318	Phạm Khánh Linh	25/01/2011	0	0	8.5	7	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.75	37.5	24	22.5	21
319	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020319	Trần Trúc Linh	12/03/2011	0	0	6.25	7.25	6.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5	30	20	18.5	17
320	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020320	Trần Hoàng Long	30/03/2011	0	0	9	6.5	9	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	7	38.5	24.5	23	21.5
321	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020321	Cao Bá Bảo Ngân	16/11/2011	0	0	8.75	7.25	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6	36.5	24.5	23	21.5
322	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020322	Nguyễn Trần Kim Ngân	06/09/2011	0	0	7.75	6.75	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.5	34	23	21.5	

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
323	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020323	Nguyễn Hà Thảo Nghi	08/03/2011	0	0	6.5	7.75	6.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.5	28	21	19.5	18
324	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020324	Đặng Thị Bảo Ngọc	03/01/2011	0	0	7	7	8	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	7	36	22	20.5	19
325	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020325	Hồ Phan Bảo Ngọc	26/09/2011	0	0	6.5	7.5	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.5	34.25	23.25	21.75	20.25
326	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020326	Phan Hoàng Hạ Nguyễn	06/08/2011	0	0	6.5	7.5	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	8.25	39.75	23.25	21.75	
327	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020327	Phùng Ánh Nguyệt	15/05/2011	0	0	8.25	6	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.75	37	23.5	22	20.5
328	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020328	Lê Thành Nhân	08/05/2011	0	0	8.5	7	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	9	42.75			
329	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020329	Trương Minh Nhật	03/12/2011	0	0	5.5	5.25	8	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5	28.75	18.75	17.25	15.75
330	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020330	Nguyễn Thanh Nhi	20/03/2011	0	0	7.75	7.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	7.5	39.75	24.75	23.25	21.75
331	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020331	Nguyễn Trần Băng Nhi	08/03/2011	0	0	7.25	6.5	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.5	36	23	21.5	20
332	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020332	Võ Hoàng Nhi	20/07/2011	0	0	8	6.5	9	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.25	34	23.5	22	20.5
333	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020333	Trần Ngọc Khánh Nhiên	06/02/2011	0	0	7.5	6.25	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5	32	22	20.5	19
334	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020334	Võ Quỳnh Như	12/08/2011	0	0	6.5	6.75	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.75	29.25	21.75	20.25	
335	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020335	Trần Thanh Phong	25/06/2011	0	0	6.75	6.25	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	7	35.75	21.75	20.25	18.75
336	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020336	Lê Hoàng Thiên Phú	19/05/2011	0	0	6	5.5	6.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.75	25.25	17.75	16.25	14.75
337	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020337	Võ Hào Phúc	20/08/2011	0	0	8.5	6	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	4	31.25	23.25	21.75	20.25
338	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020338	Đỗ Hồ Uyên Phương	05/04/2011	0	0	7	6.25	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.5	33.5	22.5	21	
339	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020339	Võ Lê Mai Phương	12/12/2011	0	0	5.25	5.25	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.75	27.5	20	18.5	17
340	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020340	Nguyễn Bảo Quyên	31/05/2011	0	0	5.75	6	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	4	29.25	21.25	19.75	18.25
341	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020341	Lê Đỗ Khánh Quỳnh	01/01/2011	0	0	7.25	6.25	8	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6	33.5	21.5	20	18.5
342	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020342	Nguyễn Như Quỳnh	26/04/2011	0	0	8.5	8	8.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.5	38.25	25.25	23.75	
343	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020343	Lê Đoàn Mỹ Tâm	10/05/2011	0	0	8	8	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6	36.25	24.25	22.75	21.25
344	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020344	Nguyễn Dương Thịnh	26/11/2011	0	0	7.5	7.5	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	7	38.5	24.5	23	
345	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020345	Phạm Cát Ngân Thủy	16/03/2011	0	0	7.75	7.75	7.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.5	36.25	23.25	21.75	20.25
346	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020346	Võ Thu Thủy	01/11/2011	0	0	7	7	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.75	33.75	22.25	20.75	19.25
347	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020347	Ngô Phạm Anh Thư	13/04/2011	0	0	8.75	7.75	10	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.25	39	26.5	25	

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
348	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020348	Nguyễn Minh Thư	19/12/2011	0	0	8.75	7.75	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	7.5	41.25	26.25	24.75	23.25
349	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020349	Trần Minh Thư	06/09/2011	0	0	8.25	7	4.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.25	32.5	20	18.5	17
350	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020350	Trần Ngọc Anh Thư	02/06/2011	0	0	6.25	7	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.25	29	22.5	21	19.5
351	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020351	Nguyễn Khánh Thy	06/01/2011	0	0	7.5	8.25	9.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	9	43.5	25.5	24	22.5
352	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020352	Hồ Đức Toàn	18/01/2011	0	0	7	7.5	6.75	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.25	27.75	21.25	19.75	18.25
353	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020353	Nguyễn Lê Bảo Toàn	21/11/2011	0	0	6	8	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.5	30.5	23.5		
354	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020354	Nguyễn Văn Phước Toàn	20/05/2011	0	0	7.75	7.5	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.5	36.5	23.5	22	20.5
355	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020355	Võ Ngọc Bảo Trâm	02/10/2011	0	0	7.25	7.75	6	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.25	31.5	21	19.5	18
356	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020356	Hồ Phan Nhã Trần	04/06/2011	0	0	7.25	7.25	9.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.25	36.5	24	22.5	21
357	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020357	Nguyễn Bảo Trần	28/04/2011	0	0	8.75	7.5	9.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.25	36	25.5	24	22.5
358	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020358	Phạm Hồ Minh Trí	06/07/2011	0	0	7.5	6	6.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.5	31	20	18.5	17
359	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020359	Huỳnh Thanh Trúc	17/08/2011	0	0	7	7	8	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.75	33.5	22	20.5	19
360	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020360	Trần Thanh Trúc	11/04/2011	0	0	5.5	4.5	8.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	2.5	23.5	18.5	17	15.5
361	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020361	Vũ Hà Thủy Trúc	04/09/2011	0	0	7	7	9	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.25	33.5	23	21.5	20
362	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020362	Nguyễn Phúc Uy	05/06/2011	0	0	7.75	6.25	9	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	5.5	34	23	21.5	20
363	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020363	Trần Vỹ Nhã Uyên	10/06/2011	0	0	8.5	7.5	9	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	6.75	38.5	25	23.5	22
364	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020364	Trần Nguyễn Kiến Văn	18/11/2011	0	0	6	6.25	9	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.25	27.75	21.25	19.75	
365	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020365	Nguyễn Quốc Việt	29/04/2011	0	0	7	5.75	7.5	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	7	34.25	20.25	18.75	17.25
366	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020366	Nguyễn Như Ý	22/02/2011	0	0	6.75	6.5	8.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	3.75	29	21.5	20	18.5
367	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020367	Trần Ngọc Như Ý	08/12/2011	0	0	6	5.75	5.25	Khoa học Tự nhiên (phần Sinh học)	2.25	21.5	17	15.5	14
368	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020368	Lưu Thiên An	01/11/2011	0	0	8	7.5	9.75	Tin học chuyên	8.73	42.71	25.25	23.75	22.25
369	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020369	Phạm Nguyễn Hoài An	17/11/2011	0	0	7	8.25	8.25	Tin học chuyên	5	33.5	23.5	22	20.5
370	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020370	Lê Nhật Anh	14/05/2011	0	0	8	8.25	9.75	Tin học chuyên	8.13	42.26	26	24.5	
371	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020371	Nguyễn Tuấn Anh	15/07/2011	0	0	7.25	7.5	9.25	Tin học chuyên	7.51	39.02	24	22.5	21
372	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020372	Nguyễn Đặng Bảo Bình	28/10/2011	0	0	8.5	7.75	9.75	Tin học chuyên	5	36	26	24.5	23

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
373	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020373	Nguyễn Lê Duy	22/07/2011	0	0	8.5	7	9.5	Tin học chuyên	6.4	37.8	25	23.5	22
374	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020374	Huỳnh Hải Dương	25/03/2011	0	0	8.75	6	8.5	Tin học chuyên	9.6	42.45	23.25	21.75	20.25
375	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020375	Huỳnh Hải Đăng	25/03/2011	0	0	8	7	9.25	Tin học chuyên	9.6	43.45	24.25	22.75	21.25
376	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020376	Nguyễn Tấn Hải	27/07/2011	0	0	9	7.25	9.75	Tin học chuyên	9.39	44.78	26	24.5	23
377	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020377	Đỗ Hoàng Hiệp	05/06/2011	0	0	7.5	5	6.25	Tin học chuyên	6.3	31.35	18.75	17.25	15.75
378	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020378	Nguyễn Trần Bảo Hoàng	08/08/2011	0	0	8.5	6.5	8	Tin học chuyên	8.66	40.32	23	21.5	20
379	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020379	Phan Ngọc Nguyễn Hoàng	10/07/2011	0	0	7.5	7.25	9.5	Tin học chuyên	6.4	37.05	24.25	22.75	21.25
380	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020380	Đặng Gia Hường	14/10/2011	0	0	7.75	5.75	8	Tin học chuyên	6.35	34.2	21.5	20	18.5
381	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020381	Từ Gia Khải	29/08/2011	0	0	9	7.75	9.75	Tin học chuyên	9.5	45.5	26.5	25	23.5
382	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020382	Nguyễn Phúc Bảo Khang	28/06/2011	0	0	8.75	7.25	9.5	Tin học chuyên	10	45.5	25.5	24	
383	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020383	Phạm Bảo Khang	09/04/2011	0	0	8	7	8.25	Tin học chuyên	8.13	39.51	23.25	21.75	20.25
384	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020384	Nguyễn Đăng Khoa	19/04/2011	0	0	8.5	7.25	8	Tin học chuyên	5.9	35.55	23.75	22.25	20.75
385	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020385	Thái Hoàng Long	07/03/2011	0	0	9	6.75	9.5	Tin học chuyên	7.1	39.45	25.25	23.75	22.25
386	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020386	Nguyễn Thúy Nga	28/11/2011	0	0	8.5	7.25	7.75	Tin học chuyên	5.05	33.6	23.5	22	20.5
387	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020387	Nguyễn Chi Xuân Nghi	27/02/2011	0	0	7.75	7.25	8.5	Tin học chuyên	5.11	33.72	23.5	22	20.5
388	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020388	Hồ Bình Nguyên	28/03/2011	0	0	7.5	7.25	9.5	Tin học chuyên	6.7	37.65	24.25	22.75	21.25
389	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020389	Tô Ngọc Yến Nhi	15/07/2011	0	0	7.5	5.5	9.25	Tin học chuyên	7.35	36.95	22.25	20.75	19.25
390	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020390	Trần Quỳnh Nhi	23/06/2011	0	0	8	6.25	9	Tin học chuyên	2.25	27.75	23.25	21.75	20.25
391	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020391	Trần Nguyễn Quỳnh Như	16/04/2011	0	0	9	7.5	9.75	Tin học chuyên	5.86	37.97	26.25	24.75	23.25
392	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020392	Nguyễn Đăng Phát	27/01/2011	0	0	8.75	7.5	9.25	Tin học chuyên	9.1	43.7	25.5	24	22.5
393	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020393	Tổng Nguyễn Thiên Phúc	24/11/2011	0	0	8.25	7.5	8.75	Tin học chuyên	8.63	41.76	24.5	23	
394	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020394	Trần Đình Phúc	14/03/2011	0	0	8.5	6	8.5	Tin học chuyên	9.08	41.16	23	21.5	
395	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020395	Trần Nguyễn Đăng Quang	02/04/2011	0	0	9.75	7.75	9.25	Tin học chuyên	8.43	43.61	26.75	25.25	23.75
396	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020396	Lê Minh Quân	06/10/2011	0	0	6.25	6.25	5.75	Tin học chuyên	1	20.25	18.25	16.75	15.25
397	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020397	Trần Nguyễn Anh Quân	12/07/2011	0	0	4.75	5.75	7	Tin học chuyên	0	17.5	17.5	16	14.5

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
398	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020398	Nguyễn Đức Tài	27/07/2011	0	0	8	6.75	9	Tin học chuyên	9.23	42.21	23.75	22.25	20.75
399	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020399	Nguyễn Minh Tài	18/08/2011	0	0	6.25	6.75	6.25	Tin học chuyên	3	25.25	19.25	17.75	16.25
400	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020400	Văn Ngọc Thuận	19/08/2011	0	0	7.25	5.5	8	Tin học chuyên	8.31	37.37	20.75		
401	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020401	Nguyễn Hữu Tín	20/03/2011	0	0	9	7.5	8.25	Tin học chuyên	5.1	34.95	24.75	23.25	21.75
402	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020402	Trần Đình Tín	25/10/2011	0	0	7.5	6.75	9.75	Tin học chuyên	6.9	37.8	24	22.5	21
403	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020403	Lê Nguyễn Minh Triết	14/02/2011	0	0	8.5	7.25	9.5	Tin học chuyên	7.1	39.45	25.25	23.75	22.25
404	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020404	Nguyễn Đặng Thanh Trúc	02/05/2011	0	0	9	7	9.25	Tin học chuyên	9.38	44.01	25.25	23.75	22.25
405	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020405	Hồ Tâm Huy Tường	04/12/2011	0	0	7.75	7.5	9	Tin học chuyên	9.48	43.21	24.25	22.75	
406	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020406	Nguyễn Duy Tường	04/06/2011	0	0	7.5	8	8.75	Tin học chuyên	9.4	43.05	24.25	22.75	
407	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020407	Trần Nguyên Vũ	05/05/2011	0	0	8	6.75	8.75	Tin học chuyên	8.33	40.16	23.5	22	20.5
408	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020408	Trần Bảo Vy	02/02/2011	0	0	7	7	9.75	Tin học chuyên	5	33.75	23.75	22.25	
409	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020409	Đào Lê Hoài An	23/09/2011	0	0	7	7	4.75	Ngữ văn chuyên	4	26.75	18.75		
410	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020410	Trịnh Mỹ An	20/10/2011	0	0	8.5	8.5	9.25	Ngữ văn chuyên	7.5	41.25	26.25	24.75	23.25
411	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020411	Mai Phương Anh	29/08/2011	0	0	8	9	9	Ngữ văn chuyên	7.75	41.5	26	24.5	
412	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020412	Phạm Lê Mai Anh	31/05/2011	0	0	8.5	7.5	9.25	Ngữ văn chuyên	5.25	35.75	25.25	23.75	22.25
413	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020413	Trần Phương Anh	05/03/2011	0	0	8.25	8.25	7.5	Ngữ văn chuyên	5.25	34.5	24	22.5	21
414	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020414	Văn Thành Anh	18/06/2011	0	0	7.5	7	8.25	Ngữ văn chuyên	6.25	35.25	22.75	21.25	19.75
415	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020415	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	10/04/2011	0	0	8	7.5	9.5	Ngữ văn chuyên	7	39	25	23.5	22
416	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020416	Phan Khả Bình	01/09/2011	0	0	8	8	8.25	Ngữ văn chuyên	6	36.25	24.25	22.75	21.25
417	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020417	Huỳnh Lê Minh Châu	25/08/2011	0	0	7	6.5	9	Ngữ văn chuyên	5.5	33.5	22.5	21	19.5
418	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020418	Đặng Quốc Chí	31/07/2011	0	0	5.75	7	7.25	Ngữ văn chuyên	7.5	35	20	18.5	17
419	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020419	Lê Minh Ngọc Diệp	22/10/2011	0	0	5.5	7.25	7.75	Ngữ văn chuyên	4	28.5	20.5	19	17.5
420	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020420	Nguyễn Khả Doanh	27/06/2011	0	0	6.75	8.25	7.75	Ngữ văn chuyên	6.25	35.25	22.75	21.25	19.75
421	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020421	Nguyễn Hoàng Dung	09/02/2011	0	0	7.5	7.5	9.75	Ngữ văn chuyên	5.75	36.25	24.75	23.25	21.75
422	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020422	Phạm Võ Kiều Dung	20/02/2011	0	0	7.5	7	6.5	Ngữ văn chuyên	4.5	30	21	19.5	

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
423	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020423	Tô Đặng Nhật Duy	25/08/2011	0	0	8.25	7.75	7.5	Ngữ văn chuyên	4.25	32	23.5	22	20.5
424	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020424	Nguyễn Khánh Duyên	01/11/2011	0	0	8	8	8.25	Ngữ văn chuyên	5.25	34.75	24.25	22.75	21.25
425	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020425	Nguyễn Nữ Đình Đình	11/04/2011	0	0	5	6.25	6	Ngữ văn chuyên	4	25.25	17.25	15.75	14.25
426	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020426	Đặng Châu Gia	08/03/2011	0	0	6.25	7.5	7.5	Ngữ văn chuyên	6.25	33.75	21.25	19.75	18.25
427	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020427	Bùi Thị Hương Giang	04/09/2011	0	0	7.75	6.5	9.5	Ngữ văn chuyên	5.25	34.25	23.75	22.25	20.75
428	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020428	Nguyễn Quỳnh Giang	03/08/2011	0	0	4.25	6.5	7	Ngữ văn chuyên	3.5	24.75	17.75	16.25	
429	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020429	Phạm Ngân Hà	26/04/2011	0	0	5.75	6.5	8.75	Ngữ văn chuyên	6	33	21	19.5	18
430	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020430	Huỳnh Hiếu Hạnh	07/01/2011	0	0	5	6	7.25	Ngữ văn chuyên	4	26.25	18.25	16.75	15.25
431	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020431	Nguyễn Lê Hồng Hạnh	29/06/2011	0	0	3.5	6.75	8.25	Ngữ văn chuyên	5	28.5	18.5	17	15.5
432	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020432	Hồ Gia Hân	03/07/2011	0	0	8.5	7.5	9.25	Ngữ văn chuyên	5.5	36.25	25.25	23.75	22.25
433	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020433	Nguyễn Hoàng Gia Hân	08/02/2011	0	0	8.75	7.5	7.75	Ngữ văn chuyên	5.25	34.5	24	22.5	21
434	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020434	Vũ Trần Gia Hân	07/09/2011	0	0	7	6.25	3.5	Ngữ văn chuyên	4	24.75	16.75	15.25	
435	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020435	Dương Gia Hương	25/06/2011	0	0	7.5	7	9	Ngữ văn chuyên	5	33.5	23.5	22	20.5
436	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020436	Văn Vũ Ngọc Hương	09/02/2011	0	0	7.75	7.25	8.75	Ngữ văn chuyên	5	33.75	23.75	22.25	20.75
437	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020437	Lê Văn Khánh	29/03/2011	0	0	8.25	6.75	9.25	Ngữ văn chuyên	7	38.25	24.25	22.75	21.25
438	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020438	Trần Hạ Gia Khánh	03/08/2011	0	0	7	6.5	8.75	Ngữ văn chuyên	3.5	29.25	22.25	20.75	19.25
439	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020439	Lê Mai Khôi	01/03/2011	0	0	7.5	7.75	9.75	Ngữ văn chuyên	7.75	40.5	25	23.5	22
440	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020440	Phan Ngọc Khôi	16/06/2011	0	0	8	7	9.75	Ngữ văn chuyên	5.75	36.25	24.75	23.25	21.75
441	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020441	Huỳnh Gia Kiên	16/05/2011	0	0	7.25	7	7.75	Ngữ văn chuyên	5	32	22	20.5	19
442	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020442	Nguyễn Thiên Kim	01/03/2011	0	0	7.75	8.5	8.75	Ngữ văn chuyên	5.25	35.5	25	23.5	
443	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020443	Lê Nguyễn Hoàng Lam	13/10/2011	0	0	7.5	8	9.25	Ngữ văn chuyên	7	38.75	24.75	23.25	21.75
444	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020444	Chu Ngọc Hương Lan	09/12/2011	0	0	8.25	7.5	8.5	Ngữ văn chuyên	7.5	39.25	24.25	22.75	21.25
445	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020445	Đặng Thủy Linh	23/05/2011	0	0	7.5	7.75	8.75	Ngữ văn chuyên	6.25	36.5	24	22.5	
446	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020446	Lê Trần Khánh Linh	26/10/2011	0	0	7	7.75	8.25	Ngữ văn chuyên	5.5	34	23	21.5	20
447	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020447	Mai Trúc Linh	04/09/2010	0	0	5.75	7.5	7	Ngữ văn chuyên	6.25	32.75	20.25	18.75	17.25

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
448	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020448	Nguyễn Khánh Linh	22/05/2011	0	0	7	8.25	9.5	Ngữ văn chuyên	5	34.75	24.75	23.25	21.75
449	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020449	Nguyễn Ngọc Diệu Linh	27/12/2011	0	0	7.5	7	9.25	Ngữ văn chuyên	6.75	37.25	23.75	22.25	20.75
450	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020450	Nguyễn Thuý Linh	08/01/2011	0	0	8.25	7.75	9.25	Ngữ văn chuyên	6	37.25	25.25	23.75	22.25
451	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020451	Nguyễn Xuân Phương Linh	15/02/2011	0	0	8.5	8.75	9.75	Ngữ văn chuyên	6.25	39.5	27		
452	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020452	Phạm Diệu Linh	18/12/2011	0	0	6.5	7.5	7.25	Ngữ văn chuyên	4.25	29.75	21.25	19.75	18.25
453	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020453	Huỳnh Ngọc Minh	10/09/2011	0	0	6.5	7.5	9.25	Ngữ văn chuyên	6.25	35.75	23.25	21.75	20.25
454	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020454	Đinh Trần Trà My	18/08/2011	0	0	7.5	7.5	9.5	Ngữ văn chuyên	4	32.5	24.5	23	21.5
455	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020455	Nguyễn Thị Như My	20/12/2011	0	0	7	6.75	9.75	Ngữ văn chuyên	4	31.5	23.5	22	20.5
456	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020456	Nguyễn Võ Hoàng My	29/05/2011	0	0	6.25	7	8.5	Ngữ văn chuyên	5	31.75	21.75	20.25	18.75
457	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020457	Nguyễn Vũ Hà My	21/06/2011	0	0	7.25	7.5	7.5	Ngữ văn chuyên	3	28.25	22.25	20.75	19.25
458	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020458	Phạm Trần Khánh My	28/04/2011	0	0	6	7.25	5.75	Ngữ văn chuyên	3	25	19	17.5	16
459	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020459	Đỗ Thị Thanh Ngân	14/09/2011	0	0	5	7.75	7.5	Ngữ văn chuyên	4.5	29.25	20.25	18.75	17.25
460	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020460	Lê Thị Kim Ngân	31/03/2011	0	0	8	9	8.5	Ngữ văn chuyên	5.5	36.5	25.5	24	22.5
461	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020461	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	06/07/2011	0	0	7	8.75	7	Ngữ văn chuyên	5	32.75	22.75	21.25	19.75
462	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020462	Phạm Bảo Ngân	04/03/2011	0	0	7	7.75	6.25	Ngữ văn chuyên	5.5	32	21	19.5	18
463	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020463	Phạm Ngọc Khánh Ngân	01/03/2011	0	0	9	7.5	8.75	Ngữ văn chuyên	7.75	40.75	25.25	23.75	22.25
464	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020464	Nguyễn Thái Bảo Nghi	12/10/2011	0	0	8.25	8	10	Ngữ văn chuyên	6.5	39.25	26.25	24.75	23.25
465	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020465	Trần Minh Ngọc	08/02/2011	0	0	7	8	8.75	Ngữ văn chuyên	7	37.75	23.75	22.25	20.75
466	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020466	Võ Hoàng Khánh Ngọc	27/08/2011	0	0	7	7.75	5.5	Ngữ văn chuyên	6	32.25	20.25	18.75	17.25
467	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020467	Dương Thị An Nguyên	10/07/2011	1	0	8	6	8.5	Ngữ văn chuyên	4.5	31.5	23.5	22	20.5
468	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020468	Huỳnh Thảo Nguyên	02/12/2011	0	0	7.25	6.25	9.25	Ngữ văn chuyên	4	30.75	22.75	21.25	19.75
469	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020469	Huỳnh Thảo Nguyên	11/01/2011	0	0	4.75	7	5.25	Ngữ văn chuyên	4.5	26	17	15.5	14
470	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020470	Nguyễn Trí Mỹ Nguyên	18/03/2011	0	0	7	7.5	9.5	Ngữ văn chuyên	5.5	35	24	22.5	21
471	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020471	Lê Trương Kiều Nhi	15/10/2011	0	0	2.75	6	4.5	Ngữ văn chuyên	4.5	22.25	13.25	11.75	
472	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020472	Ngô Thanh Quỳnh Nhi	08/05/2011	0	0	4.25	7.75	6.75	Ngữ văn chuyên	5	28.75	18.75	17.25	15.75

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
473	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020473	Nguyễn Gia Nhi	03/12/2011	0	0	5.75	7.75	6.75	Ngữ văn chuyên	5.75	31.75	20.25	18.75	17.25
474	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020474	Hà Minh Nhiên	14/08/2011	0	0	7	7	8.75	Ngữ văn chuyên	6.5	35.75	22.75	21.25	19.75
475	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020475	Lê Hạo Nhiên	02/03/2011	1	0	8.75	8	8.25	Ngữ văn chuyên	6.5	38	26	24.5	
476	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020476	Trần Thị Huỳnh Như	11/08/2011	0	0	5	7.5	4	Ngữ văn chuyên	5	26.5	16.5	15	13.5
477	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020477	Lê Tấn Phúc	12/02/2011	0	0	7	7.5	8	Ngữ văn chuyên	3.5	29.5	22.5	21	
478	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020478	Hà Trang Phương	06/12/2011	0	0	6.5	7	7	Ngữ văn chuyên	5.75	32	20.5	19	17.5
479	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020479	Nguyễn Minh Quân	10/03/2011	0	0	7.25	8.25	9.5	Ngữ văn chuyên	5.75	36.5	25	23.5	22
480	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020480	Lê Đoàn Phương Quyên	31/01/2011	0	0	7.75	7.25	8.25	Ngữ văn chuyên	6.75	36.75	23.25	21.75	20.25
481	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020481	Lê Mai Như Quỳnh	04/12/2011	0	0	7.5	7.75	8.5	Ngữ văn chuyên	4	31.75	23.75	22.25	20.75
482	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020482	Trịnh Như Thanh	24/01/2011	0	0	7.25	8	9.25	Ngữ văn chuyên	6.5	37.5	24.5		
483	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020483	Nguyễn Thanh Thảo	25/02/2011	0	0	8	8	9.5	Ngữ văn chuyên	5	35.5	25.5	24	22.5
484	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020484	Nguyễn Trần Hữu Thời	20/10/2011	0	0	7.75	9.25	9	Ngữ văn chuyên	4.25	34.5	26	24.5	
485	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020485	Nguyễn Lê Hoài Thu	17/02/2011	0	0	3.75	7.25	6.5	Ngữ văn chuyên	4.5	26.5	17.5	16	14.5
486	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020486	Lê Huỳnh Anh Thư	30/03/2011	0	0	8.25	8.75	8.75	Ngữ văn chuyên	5	35.75	25.75	24.25	
487	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020487	Ngô Nguyễn Quỳnh Thư	11/08/2011	0	0	7.5	7.75	8.5	Ngữ văn chuyên	5	33.75	23.75	22.25	20.75
488	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020488	Nguyễn Anh Thư	01/11/2011	0	0	7.25	7.5	7.75	Ngữ văn chuyên	4	30.5	22.5	21	19.5
489	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020489	Nguyễn Hoàng Anh Thư	23/07/2011	0	0	8	6.5	8.5	Ngữ văn chuyên	3.75	30.5	23	21.5	20
490	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020490	Phan Ngọc Anh Thư	15/08/2011	0	0	7.5	7.75	8.25	Ngữ văn chuyên	3.75	31	23.5	22	
491	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020491	Lê Võ Khánh Thy	20/10/2011	0	0	7.25	8	9.25	Ngữ văn chuyên	4	32.5	24.5	23	
492	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020492	Nguyễn Ngọc Ka Thy	24/04/2011	0	0	1.5	6.25	6	Ngữ văn chuyên	3	19.75	13.75	12.25	10.75
493	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020493	Trần Lê Bảo Thy	01/11/2011	0	0	7.25	8	7	Ngữ văn chuyên	6.5	35.25	22.25	20.75	
494	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020494	Lưu Trần Văn Tiên	24/10/2011	0	0	6.75	7	8.5	Ngữ văn chuyên	5.75	33.75	22.25	20.75	
495	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020495	Nguyễn Ty Thùy Tiên	05/01/2011	0	0	8.5	8.5	7.5	Ngữ văn chuyên	6	36.5	24.5	23	
496	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020496	Đoàn Việt Tiến	19/05/2011	0	0	7	8	10	Ngữ văn chuyên	5.25	35.5	25	23.5	
497	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020497	Nguyễn Thị Như Trà	20/12/2011	0	0	7.25	6.5	8.5	Ngữ văn chuyên	3.75	29.75	22.25	20.75	19.25

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
498	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020498	Ngô Lê Uyên Trang	11/12/2011	0	0	8	6.5	9.75	Ngữ văn chuyên	6.25	36.75	24.25	22.75	
499	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020499	Nguyễn Thảo Trang	24/05/2011	0	0	6.25	6.5	9.75	Ngữ văn chuyên	0.5	23.5	22.5	21	19.5
500	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020500	Võ Lâm Phương Trang	26/04/2011	0	0	7.25	7.5	5.75	Ngữ văn chuyên	2.5	25.5	20.5	19	
501	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020501	Võ Trần Huyền Trang	05/02/2011	0	0	7.25	8	7.75	Ngữ văn chuyên	5	33	23	21.5	
502	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020502	Vũ Huỳnh Thùy Trang	24/12/2011	0	0	7.25	7.25	8.75	Ngữ văn chuyên	4	31.25	23.25	21.75	20.25
503	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020503	Lê Trọng Thủy Trâm	31/08/2010	0	0	7	7.75	8	Ngữ văn chuyên	5.5	33.75	22.75	21.25	19.75
504	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020504	Lê Bảo Trăn	22/11/2011	0	0	7	8.25	7.25	Ngữ văn chuyên	6	34.5	22.5	21	19.5
505	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020505	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	05/08/2011	0	0	8.5	8.5	9.25	Ngữ văn chuyên	6.5	39.25	26.25	24.75	23.25
506	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020506	Nguyễn Đình Trí	09/01/2011	0	0	8.25	8.75	9.5	Ngữ văn chuyên	7	40.5	26.5	25	23.5
507	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020507	Nguyễn Hữu Trí	05/03/2011	0	0	7.25	8.5	9.25	Ngữ văn chuyên	4.5	34	25	23.5	22
508	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020508	Nguyễn Quốc Triệu	11/02/2011	0	0	7.5	8.5	8	Ngữ văn chuyên	6	36	24	22.5	
509	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020509	Nguyễn Lê Phương Trinh	04/04/2011	0	0	7	8.75	9	Ngữ văn chuyên	4	32.75	24.75	23.25	21.75
510	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020510	Võ Lê Vĩnh Trinh	15/12/2011	0	0	8.25	8.5	8.5	Ngữ văn chuyên	7	39.25	25.25	23.75	22.25
511	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020511	Võ Nguyễn Phương Trinh	13/09/2011	0	0	7.5	7	8	Ngữ văn chuyên	5.25	33	22.5	21	
512	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020512	Lê Phạm Thanh Trúc	31/08/2011	0	0	7.5	8.25	9	Ngữ văn chuyên	6.25	37.25	24.75	23.25	
513	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020513	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	12/11/2011	0	0	8.5	8.25	9	Ngữ văn chuyên	6.5	38.75	25.75	24.25	
514	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020514	Nguyễn Phạm Thanh Trúc	10/08/2011	0	0	8.5	7	8.25	Ngữ văn chuyên	4.5	32.75	23.75	22.25	20.75
515	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020515	Nguyễn Mỹ Uyên	03/08/2011	0	0	8	7.25	8.25	Ngữ văn chuyên	5.5	34.5	23.5	22	20.5
516	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020516	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên	06/05/2011	0	0	8.5	8.5	7.75	Ngữ văn chuyên	6.75	38.25	24.75	23.25	21.75
517	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020517	Thái Hoàng Thảo Uyên	17/05/2011	0	0	7	6.75	9.25	Ngữ văn chuyên	4.5	32	23	21.5	20
518	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020518	Tổng Đỗ Mỹ Uyên	06/05/2011	0	0	4.75	6.5	7	Ngữ văn chuyên	5	28.25	18.25	16.75	15.25
519	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020519	Nguyễn Nguyễn Thảo Vy	25/06/2011	0	0	7.5	7.25	9.75	Ngữ văn chuyên	6.5	37.5	24.5	23	
520	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020520	Trần Đoàn Hạ Vy	11/01/2011	0	0	7	7.75	7.75	Ngữ văn chuyên	7	36.5	22.5	21	
521	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020521	Trần Khánh Vy	18/08/2011	0	0	5.75	7.5	8.25	Ngữ văn chuyên	5.5	32.5	21.5	20	18.5
522	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020522	Võ Trần Thảo Vy	09/04/2011	0	0	7.25	8	6.5	Ngữ văn chuyên	6.25	34.25	21.75	20.25	18.75

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
523	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020523	Dương Như Ý	23/07/2011	0	0	8	8	9	Ngữ văn chuyên	5.25	35.5	25	23.5	22
524	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020524	Bùi Lê Hoàng Yến	16/03/2011	0	0	8.5	8	9.5	Ngữ văn chuyên	6	38	26	24.5	
525	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020525	Nguyễn Bảo An	08/02/2011	0	0	5.25	7	8.25	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	3.5	27.5	20.5	19	17.5
526	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020526	Bùi Lê Anh	03/04/2011	0	0	7	6.5	6	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	5	29.5	19.5	18	16.5
527	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020527	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	23/06/2011	0	0	7	7	7.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	6	33.75	21.75	20.25	18.75
528	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020528	La Gia Bảo	21/12/2011	0	0	6.75	8.25	7.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	4	30.75	22.75	21.25	19.75
529	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020529	Nguyễn Thái Bình	05/09/2011	0	0	7.25	7.5	7.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	6	34.5	22.5	21	
530	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020530	Nguyễn Võ Quỳnh Châu	17/08/2011	0	0	7.5	6.5	7.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	3.5	28.75	21.75	20.25	18.75
531	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020531	Nguyễn Hồng Diễm	09/09/2011	0	0	5.75	6.25	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	8.5	37.75	20.75	19.25	
532	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020532	Trần Hải Diệp	17/09/2011	0	0	4.5	6.75	8	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	6.5	32.25	19.25	17.75	
533	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020533	Huỳnh Công Dũng	22/08/2011	0	0				Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)					
534	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020534	Nguyễn Linh Giang	10/06/2011	0	0	7.5	7	9	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	9	41.5	23.5	22	20.5
535	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020535	Nguyễn Trần Ngân Hà	05/05/2011	0	0	6.75	7.25	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	7.25	37.25	22.75	21.25	19.75
536	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020536	Dương Gia Hân	01/01/2011	0	0	6.5	7.25	7.25	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	7	35	21	19.5	
537	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020537	Nguyễn Lê Ngọc Hân	21/11/2011	0	0	9	7	9	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	8.5	42	25	23.5	22
538	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020538	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	28/06/2011	0	0	7.25	7	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	7.5	38	23	21.5	
539	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020539	Nguyễn Ngọc Hiếu	19/03/2011	0	0	7.75	6.5	8.25	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	3.5	29.5	22.5	21	19.5
540	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020540	Nguyễn Tôn Khả	28/12/2011	0	0	6	5.25	8.25	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	2	23.5	19.5	18	16.5
541	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020541	Nguyễn Quang Khải	06/09/2011	0	0	5.25	5.5	9.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	5.25	31	20.5	19	
542	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020542	Đinh Trọng Khang	21/10/2011	0	0	7.5	6.75	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	6.5	36	23	21.5	20
543	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020543	Võ Duy Khang	01/09/2011	0	0	6.5	6.75	8.25	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	1	23.5	21.5	20	
544	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020544	Nguyễn Phạm Hoàng Lam	14/08/2011	0	0	7.25	6	9.5	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	6.25	35.25	22.75	21.25	19.75
545	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020545	Dương Thị Mỹ Linh	17/03/2011	0	0	7.5	6.5	9	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	8	39	23	21.5	20
546	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020546	Huỳnh Nguyễn Phương Linh	11/08/2011	0	0	6.75	7.5	8.25	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	5.5	33.5	22.5	21	19.5
547	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020547	Hồ Vũ Phi Long	01/10/2011	0	0	6.25	7.25	6.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	8.5	37.25	20.25	18.75	17.25

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
548	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020548	Nguyễn Phúc Lộc	18/01/2011	0	0	4.25	6.75	8.25	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	6.25	31.75	19.25	17.75	16.25
549	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020549	Lê Văn Minh	12/08/2011	0	0	8	8	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	7.75	40.25	24.75	23.25	21.75
550	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020550	Nguyễn Trần Tuấn Minh	07/11/2011	0	0	8	8	9	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	8.75	42.5	25	23.5	22
551	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020551	Nguyễn Thảo My	19/11/2011	0	0	5.5	7	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	8.5	38.25	21.25	19.75	18.25
552	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020552	Nguyễn Quỳnh Lê Na	12/06/2011	0	0	6.5	8	6.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	5	31.25	21.25	19.75	18.25
553	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020553	Phan Nhật Nam	08/05/2011	0	0	6	8.75	7.25	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	6.75	35.5	22	20.5	
554	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020554	Huỳnh Khánh Ngọc	20/08/2011	0	0	8.5	7.5	8.5	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	7.5	39.5	24.5	23	21.5
555	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020555	Đặng An Nguyên	12/09/2011	0	0	7.5	6	9.25	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	6.75	36.25	22.75	21.25	19.75
556	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020556	Đình Quốc Nhân	13/05/2011	0	0	7.5	5	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	7.25	35.75	21.25	19.75	18.25
557	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020557	Nguyễn Phúc Xuân Nhi	20/07/2011	0	0	6.5	7	9.5	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	6.25	35.5	23	21.5	20
558	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020558	Phạm Nguyễn Phương Nhi	23/11/2011	0	0	7.75	6.25	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	7.75	38.25	22.75	21.25	19.75
559	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020559	Trương Trần Thảo Nhi	04/03/2011	0	0	9	6.75	9.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	3.75	33	25.5	24	22.5
560	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020560	Nguyễn Bá Phong	31/05/2011	0	0	8.75	7.75	9.25	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	7.25	40.25	25.75	24.25	22.75
561	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020561	Phan Trần Tuấn Phú	14/02/2011	0	0	7.5	6.75	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	6.75	36.5	23	21.5	20
562	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020562	Phan Nguyễn Huyền Phương	24/11/2011	0	0	7.25	7.5	9.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	8	40.5	24.5	23	
563	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020563	Nguyễn Vũ Quang	10/10/2011	0	0	4.75	5.5	7.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	2.25	22.5	18	16.5	
564	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020564	Nguyễn Khánh Tâm	08/10/2011	0	0	6.25	6.5	7	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	2.25	24.25	19.75	18.25	
565	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020565	Nguyễn Thị Thanh	01/07/2011	0	0	4.75	7	6.25	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	5.25	28.5	18	16.5	15
566	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020566	Võ Văn Thanh	08/03/2011	0	0	4.5	7.5	8	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	2	24	20	18.5	
567	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020567	Nguyễn Phương Thảo	08/06/2011	0	0	7.75	7.75	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	7.75	39.75	24.25	22.75	21.25
568	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020568	Trần Nguyễn Anh Thảo	05/02/2011	0	0	7	6.5	7	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	5.5	31.5	20.5	19	17.5
569	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020569	Đào Quốc Thắng	06/01/2011	0	0	5.5	6	6.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	7.5	33.25			
570	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020570	Nguyễn An Thịnh	25/10/2011	0	0	7.5	7	8.5	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	8.5	40	23	21.5	20
571	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020571	Đồng Nguyễn Anh Thư	15/03/2011	0	0	7	8.5	8.5	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	7.25	38.5	24	22.5	21
572	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020572	Lê Đặng Anh Thư	17/07/2011	0	0	6.25	8.25	7.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	3.5	29.25	22.25	20.75	19.25

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
573	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020573	Trần Lê Anh Thư	18/03/2011	0	0	5.75	7.75	7.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	5.75	32.75	21.25	19.75	18.25
574	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020574	Dương Gia Tiến	07/10/2011	0	0	7.75	7	8.5	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	3.25	29.75	23.25	21.75	20.25
575	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020575	Dương Ngọc Minh Toàn	11/04/2011	0	0	8.5	8	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	5	35.25	25.25	23.75	22.25
576	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020576	Nguyễn Ngô Phương Trúc	24/11/2011	0	0	7.25	6.5	7	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	5.5	31.75	20.75	19.25	17.75
577	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020577	Nguyễn Quốc Tuấn	14/07/2011	0	0	7.25	6.75	6	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	9.25	38.5	20	18.5	17
578	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020578	Cao Nguyễn Thái Uyên	23/04/2011	0	0	6.75	7.25	7	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	8	37	21	19.5	
579	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020579	Nguyễn Đình Nhật Uyên	08/03/2011	0	0	5.25	7.25	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	6.5	34.25	21.25	19.75	18.25
580	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020580	Nguyễn Phương Uyên	15/07/2011	0	0	5.25	6.25	5.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	1.75	20.75	17.25	15.75	
581	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020581	Nguyễn Hà Thảo Vy	19/10/2011	0	0	4.75	5.5	6.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	2.25	21.5	17	15.5	14
582	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020582	Nguyễn Ngọc Hương Vy	08/03/2011	0	0	5	6.5	7.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	3.5	26.25	19.25	17.75	
583	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020583	Võ Tường Vy	19/01/2011	0	0	7.25	8	8	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	8.5	40.25	23.25		
584	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020584	Phạm Như Ý	16/08/2011	0	0	6.75	7	7.75	Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)	2.5	26.5	21.5	20	18.5
585	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020585	Phan Hoàng Kiều Ái	19/07/2011	0	0	6.5	7.75	9.5	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	7.5	38.75	23.75	22.25	
586	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020586	Lưu Nguyễn Quỳnh Anh	07/11/2011	0	0	7.5	7	9	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	6.75	37	23.5	22	20.5
587	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020587	Lê Hoài Giang	31/10/2011	0	0	9	7.5	9	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	3.75	33	25.5	24	22.5
588	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020588	Đặng Vũ Ngọc Hà	30/04/2011	0	0	6.5	7	9.25	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5.25	33.25	22.75	21.25	19.75
589	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020589	Võ Thị Thu Hà	19/11/2011	0	0	7.75	6.5	8	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	6	34.25	22.25	20.75	
590	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020590	Nguyễn Trung Hiếu	01/01/2011	0	0	7.5	7	8.25	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	7.25	37.25	22.75	21.25	19.75
591	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020591	Nguyễn Trần Khánh Huy	08/08/2011	0	0	7.25	7.5	9	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5.5	34.75	23.75	22.25	20.75
592	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020592	Nguyễn Trọng Khang	09/07/2011	0	0	5	6	5	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5	26	16	14.5	13
593	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020593	Phạm Trần Đăng Khoa	20/06/2011	0	0	4.5	7	7.25	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5.75	30.25	18.75	17.25	
594	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020594	Nguyễn Anh Khôi	27/02/2011	0	0	6.75	7	6.75	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5	30.5	20.5	19	17.5
595	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020595	Hồ Trí Khương	20/06/2011	0	0	4.5	6	8.5	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5	29	19		
596	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020596	Nguyễn Trí Kiên	15/09/2011	0	0	7.75	6.75	8.5	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	7	37	23	21.5	20
597	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020597	Tân Huy Kiên	02/11/2011	0	0	5.25	6.25	7.75	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5.75	30.75	19.25	17.75	16.25

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
598	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020598	Võ Tuấn Kiệt	27/09/2011	0	0	8.25	7.5	9.5	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	6.5	38.25	25.25	23.75	22.25
599	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020599	Nguyễn Đăng Tùng Lâm	23/05/2011	0	0	6.25	6.5	9	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5.5	32.75	21.75	20.25	18.75
600	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020600	Phạm Khánh Linh	16/03/2011	0	0	6.75	8	8.25	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5	33	23	21.5	20
601	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020601	Trần Phan Anh Lộc	20/03/2011	0	0	8	6.75	9.75	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5.5	35.5	24.5	23	
602	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020602	Lê Uyên Minh	07/10/2011	0	0	9	7.75	9.25	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	6.25	38.5	26	24.5	23
603	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020603	Nguyễn Huỳnh Hà My	14/08/2011	0	0	7	7	9.25	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5	33.25	23.25	21.75	20.25
604	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020604	Nguyễn Khánh Ngân	27/10/2011	0	0	5.75	7.75	6.75	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5.75	31.75	20.25	18.75	17.25
605	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020605	Nguyễn Kim Hoàng Ngân	19/10/2011	0	0	6.5	6.5	8.75	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	3.25	28.25	21.75	20.25	18.75
606	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020606	Đặng Vũ Anh Nguyên	24/05/2011	0	0	6.5	3.75	7	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5	27.25	17.25	15.75	
607	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020607	Thái Thuận Phát	22/02/2011	1	0	8.25	7	9	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	6.75	37.75	25.25	23.75	22.25
608	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020608	Nguyễn Bảo Quyên	12/12/2011	0	0	6.75	6.75	6.75	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	3.5	27.25	20.25	18.75	17.25
609	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020609	Nguyễn Tú Quyên	29/03/2011	0	0	7.5	7	8.5	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	6.5	36	23	21.5	20
610	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020610	Châu Như Quỳnh	27/06/2011	0	0	5.5	7.25	5.5	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	4	26.25	18.25	16.75	
611	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020611	Nguyễn Trúc Quỳnh	12/09/2011	0	0	6.5	7.5	8.25	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	7.25	36.75	22.25	20.75	19.25
612	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020612	Nguyễn Thị Thanh Thảo	31/10/2011	0	0	6	7	7.25	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	2.75	25.75	20.25	18.75	17.25
613	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020613	Lê Thị Nguyễn Thơ	11/02/2011	0	0	7	7.5	7.75	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	6.75	35.75	22.25	20.75	19.25
614	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020614	Nguyễn Ngọc Minh Thương	03/11/2011	0	0	5.75	7	5	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5	27.75	17.75		
615	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020615	Phan Hạnh Trang	28/10/2011	0	0	6.25	5	6.75	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	3	24	18	16.5	15
616	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020616	Lê Bảo Trần	23/05/2011	0	0	7.5	7.25	8	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5.5	33.75	22.75	21.25	19.75
617	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020617	Nguyễn Minh Trí	27/07/2011	0	0	6	6.75	9	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5.5	32.75	21.75	20.25	18.75
618	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020618	Bùi Hoàng Anh Trúc	30/01/2011	0	0	7.75	6.5	9.75	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	6.25	36.5	24	22.5	21
619	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020619	Lê Nhật Trung	22/01/2011	0	0	5.25	7	6.75	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5	29	19	17.5	16
620	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020620	Trần Lý Nhã Uyên	15/01/2011	0	0	7.5	7	7.25	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	5	31.75	21.75	20.25	18.75
621	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020621	Trương Triệu Vy	09/06/2011	0	0	7	6.5	8.5	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	6	34	22	20.5	19
622	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020622	Nguyễn Dương Hoàng Ý	22/06/2011	0	0	7.5	7.75	8	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	4.5	32.25	23.25	21.75	20.25

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
623	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020623	Nguyễn Hoàng Như Ý	02/10/2011	0	0	8	7.25	6.75	Lịch sử và Địa lí (phần Địa lí)	4	30	22	20.5	
624	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020624	Huỳnh Ngọc Bình An	25/03/2011	0	0	9	7.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	8.7	43.4	26	24.5	23
625	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020625	Nguyễn Bảo An	07/04/2011	0	0	7.25	7.75	10	Tiếng Anh chuyên	6	37	25	23.5	22
626	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020626	Nguyễn Gia Bảo An	29/05/2011	0	0	8.25	7.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	6.1	37.95	25.75	24.25	22.75
627	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020627	Nguyễn Khánh An	12/06/2011	0	0	7	7	9.5	Tiếng Anh chuyên	7.2	37.9	23.5	22	20.5
628	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020628	Võ Thiên An	20/10/2011	0	0	7.75	7	9.5	Tiếng Anh chuyên	6	36.25	24.25	22.75	21.25
629	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020629	Đào Nguyễn Minh Anh	16/04/2011	0	0	7.75	7.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	6.2	37.4	25	23.5	22
630	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020630	Lê Ngọc Anh	14/10/2011	0	0	8	8	9	Tiếng Anh chuyên	5.3	35.6	25	23.5	22
631	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020631	Phan Huỳnh Hoài Anh	26/07/2011	0	0	8.25	7	9.5	Tiếng Anh chuyên	6.4	37.55	24.75	23.25	21.75
632	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020632	Trần Huyền Tú Anh	01/04/2011	0	0	7.5	7.25	8.25	Tiếng Anh chuyên	6.9	36.8	23	21.5	
633	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020633	Trần Quỳnh Anh	11/05/2011	0	0	8.5	8.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	8	42.5	26.5	25	23.5
634	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020634	Võ Cao Diệp Anh	19/03/2011	0	0	8.75	8	9.75	Tiếng Anh chuyên	4.2	34.9	26.5	25	23.5
635	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020635	Bùi Mai Gia Bảo	12/11/2011	0	0	5.75	7.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	6.2	35.4	23	21.5	20
636	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020636	Cao Văn Bảo	28/06/2011	0	0	8	6.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	4	32.25	24.25	22.75	21.25
637	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020637	Huỳnh Phan Duy Bảo	11/11/2011	0	0	8.5	7.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	3.9	33.3	25.5	24	22.5
638	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020638	Trần Viết Gia Bảo	09/06/2011	0	0	5.5	6.25	9	Tiếng Anh chuyên	2.3	25.35	20.75		
639	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020639	Huỳnh Khánh Bằng	17/01/2011	0	0	7	7.5	8.25	Tiếng Anh chuyên	2.4	27.55	22.75	21.25	
640	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020640	Trương Bảo Châu	03/11/2011	0	0	7.5	6.75	8.75	Tiếng Anh chuyên	2.9	28.8	23	21.5	20
641	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020641	Trần Quỳnh Chi	30/07/2011	0	0	8	8	9.75	Tiếng Anh chuyên	7.2	40.15	25.75	24.25	
642	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020642	Nguyễn Thành Danh	05/04/2011	0	0	8.5	7.5	10	Tiếng Anh chuyên	9	44	26	24.5	23
643	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020643	Đặng Ngọc Diệp	08/06/2011	0	0	7	7.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	4.4	33.05	24.25	22.75	21.25
644	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020644	Lê Hà Phúc Diệp	16/08/2011	0	0	7.25	7.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	4.2	32.9	24.5	23	21.5
645	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020645	Nguyễn Ngọc Diệp	25/07/2011	0	0	7.5	7.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	6.1	36.7	24.5	23	
646	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020646	Trần Bảo Diệp	20/03/2011	0	0	8.75	7.5	10	Tiếng Anh chuyên	6.7	39.65	26.25	24.75	23.25
647	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020647	Nguyễn Bảo Duy	04/05/2011	0	0	8	8.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	8.3	42.85	26.25	24.75	23.25

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
648	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020648	Nguyễn Bảo Duy	22/07/2011	0	0	7.5	7	9.25	Tiếng Anh chuyên	5	33.75	23.75	22.25	20.75
649	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020649	Vũ Xuân Duy	09/06/2011	0	0	8.5	6.75	9	Tiếng Anh chuyên	5	34.25	24.25	22.75	21.25
650	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020650	Đào Thị Thùy Dương	08/10/2011	0	0	7	7.25	9	Tiếng Anh chuyên	3.5	30.25	23.25	21.75	
651	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020651	Trần Vĩnh Thùy Dương	23/11/2011	0	0	7	8	10	Tiếng Anh chuyên	7.5	40	25	23.5	22
652	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020652	Lê Huỳnh Quốc Đạt	25/08/2011	0	0	7.25	8.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	3.8	32.85	25.25		
653	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020653	Nguyễn Trọng Khoa Đăng	30/05/2011	0	0	9	7.5	10	Tiếng Anh chuyên	7.9	42.3	26.5	25	23.5
654	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020654	Nguyễn Nhất Đông	01/03/2011	0	0	7	6	9.5	Tiếng Anh chuyên	3	28.5	22.5	21	19.5
655	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020655	Lê Trương Thanh Hà	26/05/2011	0	0	6.75	7.25	9	Tiếng Anh chuyên	5	33	23	21.5	20
656	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020656	Nguyễn Hoàng Hà	20/02/2011	0	0	8	6.25	9.5	Tiếng Anh chuyên	4.2	32.15	23.75	22.25	20.75
657	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020657	Đặng Cao Gia Hân	09/01/2011	0	0	7.25	8.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	6.8	39.1	25.5	24	22.5
658	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020658	Đặng Nguyễn Ngọc Hân	16/09/2011	0	0	8.5	7.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	5.7	37.15	25.75	24.25	22.75
659	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020659	Hồ Gia Hân	07/11/2011	0	0	9	8.25	10	Tiếng Anh chuyên	8.5	44.25	27.25	25.75	24.25
660	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020660	Lê Nguyễn Gia Hân	11/07/2011	0	0	7	6.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.4	34.3	23.5	22	20.5
661	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020661	Nguyễn Lê Ngọc Hân	04/03/2011	0	0	6.75	7.25	7.5	Tiếng Anh chuyên	3.6	28.7	21.5	20	18.5
662	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020662	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	04/02/2011	0	0	7	7.75	8.25	Tiếng Anh chuyên	2.1	27.2	23	21.5	
663	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020663	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	01/01/2011	0	0	7.25	7.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	3.9	32.05	24.25	22.75	21.25
664	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020664	Trần Ngọc Gia Hân	18/06/2011	0	0	8	8.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	7.5	41	26	24.5	
665	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020665	Hồ Thị Xuân Hiền	14/01/2011	0	0	6.75	7.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	5	34	24		
666	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020666	Phan Ngọc Khánh Hiền	13/07/2011	0	0	9	7.5	10	Tiếng Anh chuyên	7	40.5	26.5	25	
667	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020667	Lê Đào Như Hoa	13/11/2011	0	0	8.25	8.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	6.4	39.3	26.5	25	23.5
668	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020668	Nguyễn Mạnh Hùng	17/03/2011	0	0	7.75	7.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.2	35.65	25.25	23.75	22.25
669	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020669	Bùi Kha Huy	21/06/2011	0	0	7.5	7.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	7.5	39.5	24.5	23	21.5
670	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020670	Cai Trần Gia Huy	11/11/2011	0	0	6.5	7.25	9.25	Tiếng Anh chuyên	7	37	23	21.5	
671	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020671	Hồ Nguyễn Gia Huy	16/07/2011	0	0	8	7.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	6.7	38.4			
672	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020672	Lê Minh Huy	04/07/2011	0	0	7.25	7.75	8.75	Tiếng Anh chuyên	5	33.75	23.75	22.25	20.75

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
673	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020673	Nguyễn Đình Huy	08/05/2011	0	0	8.25	7.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	5	35.75	25.75	24.25	22.75
674	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020674	Nguyễn Hoàng Huy	27/09/2011	0	0	7.25	7.75	10	Tiếng Anh chuyên	8.4	41.8	25	23.5	
675	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020675	Nguyễn Phùng Gia Huy	18/05/2011	0	0	7	6.75	9.25	Tiếng Anh chuyên	3.5	30	23	21.5	20
676	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020676	Nguyễn Trần Khánh Huy	01/03/2011	0	0	5.75	7.25	9.5	Tiếng Anh chuyên	3.8	30.1	22.5	21	19.5
677	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020677	Trần Quang Huy	24/11/2011	0	0	9	8.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	6.1	39.7	27.5	26	
678	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020678	Nguyễn Thành Hưng	01/11/2011	0	0	8.5	7	9.5	Tiếng Anh chuyên	7.5	40	25	23.5	22
679	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020679	Võ Hoàng Khả	25/08/2011	0	0	8.5	7.25	9.5	Tiếng Anh chuyên	5.3	35.85	25.25	23.75	22.25
680	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020680	Đình Phúc Khang	08/03/2011	0	0	7	5.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	2.7	27.65	22.25	20.75	19.25
681	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020681	Trần Thái Minh Khang	31/01/2011	0	0	9	6.75	10	Tiếng Anh chuyên	7.6	40.95	25.75	24.25	22.75
682	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020682	Nguyễn Lê Nhã Khanh	11/11/2011	0	0	5.75	7.5	9	Tiếng Anh chuyên	3.2	28.65	22.25	20.75	
683	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020683	Nguyễn Quang Khanh	08/08/2011	0	0	7	7	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.3	34.35	23.75	22.25	20.75
684	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020684	Hồ Ngọc Khánh	08/07/2011	0	0	9	7.5	10	Tiếng Anh chuyên	7.8	42.1	26.5	25	23.5
685	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020685	Huỳnh Ngân Khánh	17/04/2011	0	0	8.25	6.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	4.3	33.1	24.5	23	21.5
686	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020686	Lê Ngân Khánh	10/05/2011	0	0	8	7.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	6.9	39.05	25.25	23.75	
687	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020687	Nguyễn Hồng Nhật Khánh	25/03/2011	0	0	8	6	9.5	Tiếng Anh chuyên	3.9	31.3	23.5	22	
688	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020688	Nguyễn Duy Khiêm	09/04/2011	0	0	7.75	6.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	5	34.25	24.25	22.75	21.25
689	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020689	Ngô Đăng Khoa	13/03/2011	0	0	6.75	7.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	4.5	33.25	24.25	22.75	21.25
690	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020690	Nguyễn Đăng Khoa	09/03/2011	0	0	8.5	7	9.25	Tiếng Anh chuyên	3.9	32.55	24.75	23.25	21.75
691	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020691	Phạm Đăng Khoa	07/07/2011	0	0	8.25	6	8.25	Tiếng Anh chuyên	5	32.5	22.5	21	
692	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020692	Phạm Đăng Khôi	15/11/2011	0	0	8	7.75	9	Tiếng Anh chuyên	3.7	32.15	24.75	23.25	
693	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020693	Trần An Khôi	18/09/2011	0	0	7.25	7.25	9.25	Tiếng Anh chuyên	4.1	31.95	23.75	22.25	20.75
694	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020694	Hồ Minh Kiệt	14/01/2011	0	0	8.25	8	9.5	Tiếng Anh chuyên	3.3	32.35	25.75	24.25	
695	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020695	Nguyễn Quốc Kỳ	20/02/2011	0	0	8.25	7	10	Tiếng Anh chuyên	7.1	39.45	25.25	23.75	22.25
696	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020696	Nguyễn Lê Ngọc Lâm	17/08/2011	0	0	6.75	8	10	Tiếng Anh chuyên	7.1	38.95	24.75	23.25	21.75
697	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020697	Bùi Nguyễn Thảo Linh	09/04/2011	0	0	7.75	7.5	10	Tiếng Anh chuyên	7.4	40.05	25.25	23.75	22.25

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
698	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020698	Huỳnh Khánh Linh	02/04/2011	0	0	7	6.75	9.25	Tiếng Anh chuyên	6	35	23	21.5	
699	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020699	Nguyễn Cao Khánh Linh	06/10/2011	0	0	7.75	7.25	10	Tiếng Anh chuyên	6.7	38.4	25	23.5	22
700	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020700	Nguyễn Thị Mỹ Linh	21/11/2011	0	0	9.75	6.75	10	Tiếng Anh chuyên	7.4	41.3	26.5	25	23.5
701	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020701	Trương Hà Linh	16/07/2011	0	0	6.75	7	7.75	Tiếng Anh chuyên	2.2	25.9	21.5	20	18.5
702	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020702	Nguyễn Ánh Diệu Lương	24/07/2011	0	0	7.25	4.25	8.5	Tiếng Anh chuyên	1.5	23	20	18.5	17
703	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020703	Lữ Ngọc Tuyết Ly	14/08/2011	0	0	7.5	7.75	9.25	Tiếng Anh chuyên	3.1	30.7	24.5	23	21.5
704	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020704	Nguyễn Phạm Trúc Ly	31/07/2011	0	0	9	6.5	9.25	Tiếng Anh chuyên	4.2	33.15	24.75	23.25	
705	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020705	Nguyễn Đăng Ngọc Minh	23/07/2011	0	0	7.75	7.25	9.5	Tiếng Anh chuyên	4.2	32.9	24.5	23	
706	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020706	Huỳnh Đăng Uyên My	06/03/2011	0	0	8.5	7.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.5	37	26	24.5	23
707	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020707	Tô Hà My	26/12/2011	0	0	8.5	8.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	6.5	39.5	26.5	25	23.5
708	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020708	Hồ Hoài Nam	18/11/2011	0	0	7	6.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	3.9	31.3	23.5	22	
709	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020709	Huỳnh Nhật Nam	13/07/2011	0	0	5.5	7	9.75	Tiếng Anh chuyên	4.2	30.65	22.25	20.75	19.25
710	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020710	Lê Hoàng Nam	26/09/2011	0	0	8	7.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	6.2	37.4	25	23.5	22
711	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020711	Trần Nguyễn Hoàng Nam	28/09/2011	0	0	7.5	8	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.6	36.45	25.25	23.75	22.25
712	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020712	Trương Hoàng Nam	20/08/2011	0	0	6.25	7.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	4.1	31.7	23.5	22	20.5
713	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020713	Doãn Nguyễn Hằng Nga	19/05/2011	0	0	7.75	7.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	8.1	41.45	25.25	23.75	22.25
714	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020714	Nguyễn Đặng Quỳnh Nga	14/07/2011	0	0	7	7.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	7.8	39.85	24.25	22.75	21.25
715	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020715	Cao Hoàng Ngân	28/06/2011	0	0	8.5	7.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.7	37.15	25.75	24.25	22.75
716	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020716	Lê Phan Bảo Ngân	04/06/2011	0	0	8	8	10	Tiếng Anh chuyên	7.1	40.2	26	24.5	23
717	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020717	Nguyễn Lê Khánh Ngân	12/07/2011	0	0	6.75	6.75	9.25	Tiếng Anh chuyên	5.4	33.55	22.75		
718	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020718	Nguyễn Nhật Khánh Ngân	16/07/2011	0	0	8.5	6.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	7	38.75	24.75	23.25	21.75
719	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020719	Nguyễn Thiệu Khánh Ngân	12/11/2011	0	0	7.5	7	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.7	35.65	24.25	22.75	
720	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020720	Nguyễn Thị Thiên Ngân	05/07/2011	0	0	7.75	7.25	8.75	Tiếng Anh chuyên	2.2	28.15	23.75	22.25	20.75
721	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020721	Phan Trần Thanh Ngân	01/08/2011	0	0	8.5	7.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	5.8	37.1	25.5	24	22.5
722	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020722	Huỳnh Thái Nghi	01/11/2011	0	0	7.75	7.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	7.4	39.8	25	23.5	22

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
723	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020723	Phạm Phương Nghi	13/06/2011	0	0	8	8	9.5	Tiếng Anh chuyên	5.8	37.1	25.5	24	22.5
724	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020724	Nguyễn Nhật Nghĩa	18/11/2011	0	0	7.5	7	9.75	Tiếng Anh chuyên	5	34.25	24.25	22.75	
725	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020725	Hà Tuyết Ngọc	24/05/2011	0	0	9	7	10	Tiếng Anh chuyên	5	36	26	24.5	23
726	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020726	Hồ Hồng Ngọc	05/08/2011	0	0	7.75	7.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.2	35.15	24.75	23.25	21.75
727	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020727	Hồ Ngô Bảo Ngọc	10/07/2011	0	0	7.5	7	9.5	Tiếng Anh chuyên	5	34	24	22.5	
728	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020728	Nguyễn Châu Hồng Ngọc	16/09/2011	0	0	7.75	8	9.5	Tiếng Anh chuyên	7.5	40.25	25.25	23.75	22.25
729	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020729	Nguyễn Thị Như Ngọc	31/05/2011	0	0	8.5	8.75	10	Tiếng Anh chuyên	7.7	42.65	27.25	25.75	24.25
730	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020730	Trần Bảo Ngọc	05/09/2011	0	0	7.5	6.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	3.4	30.3	23.5	22	20.5
731	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020731	Trần Khánh Ngọc	19/12/2011	0	0	8.25	7.5	9.25	Tiếng Anh chuyên	6.4	37.8	25	23.5	22
732	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020732	Trần Lê Bảo Ngọc	15/01/2011	0	0	7.25	6.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	6	35.5	23.5	22	20.5
733	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020733	Trương Nguyễn Khánh Ngọc	18/05/2011	0	0	8	7.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	6	37	25	23.5	22
734	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020734	Nguyễn Trung Nguyên	16/09/2011	0	0	7.75	7	9.75	Tiếng Anh chuyên	5	34.5	24.5	23	21.5
735	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020735	Phạm Đỗ Khánh Nguyên	21/05/2011	0	0	6.25	6.75	9	Tiếng Anh chuyên	6.1	34.2			
736	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020736	Nguyễn Gia Nguyễn	11/11/2011	0	0	7.25	5.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	5	32.75	22.75	21.25	
737	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020737	Phạm Bá Nguyễn	17/10/2011	0	0	7.25	6.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	4.5	32.25	23.25	21.75	20.25
738	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020738	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	14/04/2011	0	0	7.5	7.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	6	36.5	24.5	23	21.5
739	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020739	Phạm Hoàng Lâm Nhật	19/07/2011	0	0	7.5	7	9	Tiếng Anh chuyên	7.1	37.7	23.5	22	20.5
740	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020740	Đặng Yến Nhi	14/03/2011	0	0	8	6.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.1	34.7	24.5	23	
741	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020741	Hoàng Phương Nhi	11/09/2011	0	0	6.75	6.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	3.6	30.2	23	21.5	20
742	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020742	Hồ Lê Uyên Nhi	20/12/2011	0	0	6	6.75	9.25	Tiếng Anh chuyên	2.4	26.8	22	20.5	
743	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020743	Nguyễn Ngọc Gia Nhi	23/06/2011	0	0	8.25	7.5	7.5	Tiếng Anh chuyên	3.8	30.85	23.25	21.75	20.25
744	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020744	Nguyễn Xuân Nhi	28/03/2011	0	0	5.75	6.25	8	Tiếng Anh chuyên	2.8	25.6	20	18.5	17
745	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020745	Trào Bảo Nhi	03/11/2011	0	0	7	5.75	9.25	Tiếng Anh chuyên	5.9	33.8	22	20.5	
746	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020746	Phạm Hoàng Xuân Nhiên	19/07/2011	0	0	7.75	6.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	5.6	35.2	24	22.5	21
747	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020747	Lê Nguyễn Quỳnh Như	28/08/2011	0	0	7.5	6.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	3.8	31.35	23.75	22.25	20.75

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
748	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020748	Nguyễn Huỳnh Như	24/03/2011	0	0	5.25	7.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	8.3	39.1	22.5	21	
749	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020749	Nguyễn Thị Bảo Như	09/07/2011	0	0	6.75	7.5	9.25	Tiếng Anh chuyên	5.3	34.1	23.5	22	
750	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020750	Phan Hồ Ta Nin	07/04/2011	0	0	8	7.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.1	35.45	25.25	23.75	
751	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020751	Nguyễn Ngọc Phát	20/10/2011	0	0	8	6	10	Tiếng Anh chuyên	7.7	39.4	24	22.5	21
752	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020752	Nguyễn Tấn Phát	01/10/2010	0	0	7.5	5.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	3.2	29.15	22.75	21.25	19.75
753	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020753	Phan Hoàng Phát	17/01/2011	0	0	8.75	7.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	5	35.75	25.75	24.25	
754	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020754	Lê Đình Phong	04/01/2011	0	0	7.75	6	10	Tiếng Anh chuyên	5.6	34.95	23.75	22.25	20.75
755	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020755	Tôn Thất Gia Phú	31/01/2011	0	0	7.25	7.5	10	Tiếng Anh chuyên	6.6	37.95	24.75	23.25	21.75
756	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020756	Nguyễn Bá Phúc	02/09/2011	0	0	6.5	6.5	8.75	Tiếng Anh chuyên	5.2	32.15	21.75	20.25	18.75
757	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020757	Trần Gia Phúc	01/11/2011	0	0	8.5	6.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	8.7	42.15	24.75	23.25	21.75
758	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020758	Phạm Thiên Phước	19/01/2011	0	0	9	6.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	9	43	25	23.5	22
759	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020759	Phan Hữu Phước	11/09/2011	0	0	9.5	7.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	7.9	42.3	26.5	25	
760	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020760	Bùi Ngân Phương	06/07/2011	0	0	6.75	7.25	9.25	Tiếng Anh chuyên	6.3	35.85	23.25	21.75	20.25
761	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020761	Cao Nhã Phương	05/11/2011	0	0	8	6.5	9.25	Tiếng Anh chuyên	5.2	34.15	23.75	22.25	20.75
762	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020762	Đào Nguyễn Quý Phương	03/06/2011	0	0	8.25	7	9.75	Tiếng Anh chuyên	4.7	34.4	25		
763	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020763	Đỗ Hà Phương	12/03/2011	0	0	5.5	7.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	3.4	29.3	22.5	21	19.5
764	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020764	Lê Hà Phương	25/08/2011	0	0	8.5	7.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	8.9	43.8	26	24.5	23
765	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020765	Lê Hồ Khánh Phương	31/01/2011	0	0	7.5	7.25	10	Tiếng Anh chuyên	6.3	37.35	24.75	23.25	
766	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020766	Nguyễn Ngọc Hồng Phương	23/02/2011	0	0	7.25	8.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.9	37.05	25.25		
767	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020767	Phan Trương Nhã Phương	14/09/2011	0	0	8.25	7.5	9.25	Tiếng Anh chuyên	7	39	25	23.5	22
768	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020768	Nguyễn Ngọc Quang	29/06/2011	0	0	7.75	7.5	10	Tiếng Anh chuyên	7.9	41.05	25.25	23.75	22.25
769	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020769	Ngô Kim Quy	07/09/2011	0	0	8.25	7.25	9.5	Tiếng Anh chuyên	7.7	40.4	25	23.5	22
770	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020770	Trần Lê Khánh Quyên	16/08/2011	0	0	6.75	8.25	9.5	Tiếng Anh chuyên	3.9	32.3	24.5	23	21.5
771	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020771	Khổng Tú Quỳnh	11/11/2011	0	0	7.5	8	10	Tiếng Anh chuyên	6.4	38.3	25.5	24	22.5
772	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020772	Trần Hương Quỳnh	26/04/2011	0	0	7	7	10	Tiếng Anh chuyên	7	38	24	22.5	21

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
773	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020773	Trần Trương Thanh Quỳnh	18/10/2011	0	0	8	7.75	10	Tiếng Anh chuyên	8	41.75	25.75	24.25	22.75
774	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020774	Nguyễn Tấn Sang	08/04/2011	0	0	8.75	7.5	10	Tiếng Anh chuyên	5.5	37.25	26.25	24.75	23.25
775	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020775	Nguyễn Ngọc Hồng Sâm	21/06/2011	0	0	9	6.75	10	Tiếng Anh chuyên	8	41.75	25.75	24.25	22.75
776	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020776	Mai Quỳnh Hào Tâm	09/08/2011	0	0	7.25	7.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	7.7	39.9	24.5		
777	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020777	Nguyễn Hoàng Thanh	26/07/2011	0	0	8.25	7.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	7.5	40.5	25.5	24	
778	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020778	Nguyễn Phương Thảo	07/07/2011	0	0	7.75	7.25	9.25	Tiếng Anh chuyên	7	38.25	24.25	22.75	21.25
779	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020779	Phạm Phương Thảo	10/02/2011	0	0	8.5	8	9.75	Tiếng Anh chuyên	7.7	41.65	26.25	24.75	23.25
780	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020780	Trần Gia Hiền Thảo	09/04/2011	0	0	7	7	9.25	Tiếng Anh chuyên	5	33.25	23.25	21.75	20.25
781	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020781	Lữ Trần Hoàng Thiện	03/04/2011	0	0	6.75	6	8.25	Tiếng Anh chuyên	3.6	28.2	21	19.5	18
782	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020782	Phùng Gia Thịnh	13/12/2011	0	0	8.5	6.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.2	34.9	24.5	23	21.5
783	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020783	Mai Ngọc Thùy	07/01/2011	0	0	8.5	7.5	9.25	Tiếng Anh chuyên	6.6	38.45	25.25	23.75	
784	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020784	Bùi Phan Anh Thư	29/03/2011	0	0	8.25	7	9.75	Tiếng Anh chuyên	4.4	33.8	25	23.5	22
785	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020785	Huỳnh Như Thanh Thư	02/05/2011	0	0	7.25	7.75	8.75	Tiếng Anh chuyên	5	33.75	23.75	22.25	
786	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020786	Lê Nguyễn Anh Thư	27/08/2011	0	0	9	7.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	6.2	38.4	26	24.5	
787	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020787	Nguyễn Hoàng Anh Thư	27/02/2011	0	0	9	8.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	6.3	39.6	27	25.5	24
788	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020788	Nguyễn Minh Thư	22/09/2011	0	0	6.5	5.25	4.75	Tiếng Anh chuyên	1.8	20.1			
789	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020789	Nguyễn Phan Minh Thư	07/11/2011	0	0	9	7	9	Tiếng Anh chuyên	2.4	29.8	25	23.5	22
790	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020790	Nguyễn Thị Anh Thư	06/06/2011	0	0	8.5	6.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	8.6	41.95	24.75	23.25	21.75
791	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020791	Phạm Anh Thư	11/06/2011	0	0	7	5	8.5	Tiếng Anh chuyên	1.6	23.7	20.5	19	
792	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020792	Tô Đặng Anh Thư	19/11/2011	0	0	7.5	7.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	5	34.5	24.5	23	
793	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020793	Trần Ngọc Minh Thư	27/12/2011	0	0	6.75	8.5	8.25	Tiếng Anh chuyên	2	27.5	23.5	22	
794	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020794	Trần Như Song Thư	13/10/2011	0	0	7	7.75	8.5	Tiếng Anh chuyên	2.5	28.25	23.25	21.75	20.25
795	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020795	Trần Vũ Minh Thư	29/04/2011	0	0	8.5	8.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	9	44.75	26.75	25.25	23.75
796	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020796	Trương Hoài Song Thư	18/06/2011	0	0	8	8.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	6	38.25	26.25	24.75	23.25
797	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020797	Võ Anh Thư	26/09/2011	0	0	8.25	7.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	6.3	37.85	25.25	23.75	22.25

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
798	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020798	Lê Minh Thương	05/06/2011	0	0	8	8.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	6.8	39.85	26.25	24.75	23.25
799	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020799	Lê Nguyễn Hoài Thương	30/09/2011	0	0	7.5	5.5	8.5	Tiếng Anh chuyên	2.1	25.7	21.5	20	18.5
800	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020800	Huỳnh Võ Khánh Thy	19/09/2011	0	0	7.75	6.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	6.1	36.45	24.25	22.75	21.25
801	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020801	Nguyễn Khánh Thy	10/12/2011	0	0	8.5	7.5	9	Tiếng Anh chuyên	2.7	30.4	25	23.5	22
802	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020802	Trần Ngô Anh Thy	28/01/2011	0	0	7	6.75	9	Tiếng Anh chuyên	6.1	34.95	22.75	21.25	19.75
803	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020803	Lê Huỳnh Thủy Tiên	31/08/2011	0	0	7.25	6.75	9	Tiếng Anh chuyên	5.1	33.2	23	21.5	20
804	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020804	Trần Hà Tiên	28/05/2011	0	0	7.75	6.5	9.25	Tiếng Anh chuyên	7.4	38.3	23.5	22	20.5
805	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020805	Trần Trí Toàn	17/04/2011	0	0	8	6	9.5	Tiếng Anh chuyên	7.3	38.1	23.5	22	20.5
806	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020806	Lê Ngọc Thiên Trang	07/05/2011	0	0	8.25	6.75	9.25	Tiếng Anh chuyên	3.9	32.05	24.25	22.75	21.25
807	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020807	Nguyễn Phương Trang	22/01/2011	0	0	8.25	6.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	5.4	35.3	24.5	23	21.5
808	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020808	Võ Thị Quỳnh Trang	01/01/2011	0	0	8	6.5	9.25	Tiếng Anh chuyên	6	35.75	23.75	22.25	20.75
809	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020809	Nguyễn Khánh Trâm	08/10/2011	0	0	9	6.25	10	Tiếng Anh chuyên	7.3	39.85	25.25	23.75	22.25
810	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020810	Nguyễn Trần Tú Trần	08/02/2011	0	0	7.75	5.75	9.5	Tiếng Anh chuyên	4.6	32.2	23	21.5	20
811	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020811	Trần Nguyễn Khả Trần	19/03/2011	0	0	7.5	7	9.25	Tiếng Anh chuyên	5.3	34.35	23.75	22.25	20.75
812	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020812	Nguyễn Đức Trí	11/07/2011	0	0	9.5	7.5	10	Tiếng Anh chuyên	7.8	42.6	27	25.5	24
813	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020813	Trần Nhật Trí	28/10/2011	0	0	8.5	7.5	9.75	Tiếng Anh chuyên	8	41.75	25.75	24.25	22.75
814	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020814	Lê Triết	11/08/2011	0	0	7.25	7.25	9.5	Tiếng Anh chuyên	3.9	31.8	24	22.5	21
815	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020815	La Bảo Trọng	12/12/2011	0	0	7.25	6.25	9.5	Tiếng Anh chuyên	2.3	27.6	23	21.5	
816	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020816	Lê Ngọc Thảo Trúc	18/03/2011	0	0	7.25	8	10	Tiếng Anh chuyên	6	37.25	25.25	23.75	22.25
817	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020817	Nguyễn Phan Diệp Trúc	21/07/2011	0	0	8	8.25	9.5	Tiếng Anh chuyên	5.8	37.35	25.75	24.25	
818	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020818	Đinh Văn Trường	28/09/2011	0	0	6.5	5.75	9.25	Tiếng Anh chuyên	2.3	26.1	21.5	20	18.5
819	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020819	Quách Lê Đức Tuệ	30/01/2011	0	0	7.75	8	9	Tiếng Anh chuyên	3.2	31.15	24.75	23.25	21.75
820	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020820	Hoàng Tùng	13/02/2011	0	0	9	8	9.5	Tiếng Anh chuyên	8.2	42.9	26.5	25	
821	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020821	Nguyễn Nguyên Tùng	13/11/2011	0	0	8.5	8.75	9.75	Tiếng Anh chuyên	5	37	27	25.5	24
822	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020822	Ngô Hoàng Linh Uyên	22/03/2011	0	0	8.25	7.5	9.25	Tiếng Anh chuyên	4	33	25	23.5	22

STT	Hội đồng coi thi	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm ưu tiên	Điểm KK	Điểm thi					Điểm xét tuyển chuyên	Điểm xét tuyển công lập NV1	Điểm xét tuyển công lập NV2	Điểm xét tuyển công lập NV3
							Toán	Văn	Tiếng Anh	Môn chuyên	Điểm môn chuyên				
823	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020823	Nguyễn Lê Nhã Uyên	10/06/2011	0	0	7.25	6.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	2.8	28.85	23.25	21.75	20.25
824	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020824	Nguyễn Mẫn Uyên	29/10/2011	0	0	7.5	7.25	9	Tiếng Anh chuyên	6.5	36.75	23.75	22.25	20.75
825	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020825	Nguyễn Ngọc Hạ Uyên	13/06/2011	0	0	8.25	8	9.75	Tiếng Anh chuyên	7.8	41.6	26	24.5	23
826	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020826	Nguyễn Trần Nhã Uyên	04/03/2011	0	0	7	6.75	7.5	Tiếng Anh chuyên	2.2	25.65	21.25	19.75	18.25
827	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020827	Nguyễn Võ Nhật Uyên	17/04/2011	0	0	7.5	8.25	9.5	Tiếng Anh chuyên	6.7	38.65	25.25	23.75	22.25
828	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020828	Phạm Kiến Văn	05/02/2011	0	0	8.75	6.25	10	Tiếng Anh chuyên	8.3	41.6	25	23.5	
829	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020829	Đinh Khôi Vĩ	04/01/2011	0	0	7	6.5	10	Tiếng Anh chuyên	8.1	39.7	23.5	22	20.5
830	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020830	Nguyễn Hoàng Việt	21/01/2011	0	0	8.5	6.5	9.5	Tiếng Anh chuyên	7.2	38.9	24.5	23	21.5
831	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020831	Lê Anh Vương	28/04/2011	0	0	8	6.25	9.75	Tiếng Anh chuyên	3.7	31.4	24	22.5	21
832	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020832	Đoàn Thảo Vy	26/03/2011	0	0	8.5	7	9.75	Tiếng Anh chuyên	2.4	30.05	25.25	23.75	22.25
833	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020833	Lê Nguyễn Tường Vy	20/10/2011	0	0	6.75	6.25	7.75	Tiếng Anh chuyên	2.3	25.35	20.75	19.25	17.75
834	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020834	Phạm Trường Y	08/01/2011	0	0	6.75	5	8	Tiếng Anh chuyên	2.7	25.15	19.75	18.25	16.75
835	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020835	Bùi Nguyễn Như Ý	29/09/2011	0	0	7	7	8.5	Tiếng Anh chuyên	2.9	28.3	22.5		
836	THPT chuyên Lê Quý Đôn	020836	Võ Tư Minh Ý	14/05/2011	0	0	6.5	7.25	9.5	Tiếng Anh chuyên	4.6	32.45	23.25		

Gia Lai, ngày 07 tháng 7 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Võ Ngọc Sỹ
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO